|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH LONG AN**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: /NQ-HĐND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  *Long An, ngày tháng 6 năm 2025* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua Đề án thực hiện đột phá phát triển khoa học,**

**công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Long An**

**giai đoạn 2025 - 2030**

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 26**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Chương trình số 66-CTr/TU ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*

*Căn cứ Kế hoạch số 216-KH/TU ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*

Xét Tờ trình số……….../TTr-UBND ngày ….. tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết thông quaĐề án thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Long An giai đoạn 2025 - 2030; Báo cáo thẩm tra số………./BC-HĐND ngày … tháng 6 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Đề án thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Long An giai đoạn 2025 - 2030.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ hằng năm có đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh để giải quyết theo thẩm quyền.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa X, kỳ họp thứ 26 (kỳ họp lệ giữa năm 2025) thông qua ngày….…tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UB Thường vụ Quốc hội (b/c);  - Chính phủ (b/c);  - VP. Quốc hội, VP. CP tại TP.HCM (b/c);  - Ban Công tác đại biểu của UBTVQH (b/c);  - Bộ Tài chính (b/c);  - Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);  - Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;  - Cục Kiểm tra và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;  - TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (b/c);  - Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;  - Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;  - UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;  - Các Tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;  - Văn phòng Tỉnh ủy;  - Văn phòng ĐĐBQH và HĐND tỉnh;  - Các Sở, ngành tỉnh;  - Văn phòng UBND tỉnh;  - Các phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;  - TT. HĐND, UBND các xã, phường;  - Cổng thông tin điện tử tỉnh;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);  - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH LONG AN**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  *Long An, ngày tháng 6 năm 2025* |

**ĐỀ ÁN**

**THỰC HIỆN ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,**

**ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LONG AN**

**GIAI ĐOẠN 2025 - 2030**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày… tháng 6 năm 2025*

*của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**PHẦN I**

**SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1.** Long An đang đứng trước yêu cầu cấp bách nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhằm tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, thích ứng Cách mạng công nghiệp 4.0 và biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, việc đồng bộ các giải pháp về hạ tầng nghiên cứu, liên kết trường - viện - doanh nghiệp, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ là rất thiết yếu để đẩy mạnh tăng trưởng xanh, nâng cao năng suất và gia tăng giá trị sản phẩm.

**2.** Hiến pháp năm 2013 (Điều 62) khẳng định phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, Nhà nước ưu tiên đầu tư, bảo hộ sở hữu trí tuệ và tạo điều kiện để mọi người dân tham gia và thụ hưởng thành tựu khoa học, công nghệ. Nghị quyết số 57‑NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ đã đặt ra yêu cầu các địa phương xây dựng chiến lược, hành động cụ thể và cơ chế chính sách đặc thù để hiện thực hóa mục tiêu quốc gia. Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch số 216/KH-TU ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các văn bản chỉ đạo, kết luận của Tỉnh ủy và Ban chỉ đạo tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57‑NQ/TW là căn cứ pháp lý quan trọng cho việc xây dựng Đề án này.

**3.** Việc ban hành Đề án là cơ sở để đảm bảo triển khai đồng bộ, khẩn trương các nhiệm vụ trọng tâm, khắc phục tình trạng phân mảnh giải pháp, tăng cường hiệu quả sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành và nâng cao trách nhiệm của các cấp chính quyền trong thực hiện mục tiêu đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trong bối cảnh tỉnh Long An và tỉnh Tây Ninh sáp nhập thành tỉnh mới với mô hình chính quyền hai cấp, Đề án còn có vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh cơ chế phối hợp, phân công nhiệm vụ, đảm bảo tính liên tục, hiệu quả trong quản lý và triển khai các chương trình, dự án liên ngành.

**II. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

1. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

3. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

4. Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

5. Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025.

6. Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006.

7. Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.

8. Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023.

9. Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023.

10. Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024.

11. Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024.

12. Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024.

13. Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

14. Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

15. Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

16. Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dữ liệu quốc gia đến năm 2030.

17. Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

18. Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương.

19. Quyết định số 292/QĐ-BKHCN ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam phiên bản 4.0.

20. Chương trình số 66-CTr/TU ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

21. Kế hoạch số 216-KH/TU ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

22. Kết luận số 01-KL/BCĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Trưởng Ban chỉ đạo tỉnh tại phiên họp thứ 1 Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

**PHẦN II**

**THỰC TRẠNG NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LONG AN**

**GIAI ĐOẠN 2020 - 2025**

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

**1.** Trong thời gian qua, tỉnh đã xác định khoa học và công nghệ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, đóng vai trò then chốt trong phát triển kinh tế – xã hội và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Trên cơ sở định hướng chung của Trung ương, tỉnh đã ban hành nhiều chính sách, chương trình, kế hoạch nhằm đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ vào các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, y tế, giáo dục và môi trường. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được triển khai tại các sở, ngành, địa phương không chỉ góp phần giải quyết các bài toán thực tiễn mà còn nâng cao trình độ kỹ thuật, năng lực công nghệ của doanh nghiệp và tổ chức công lập, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển bền vững.

**2.** Cùng với khoa học và công nghệ, tỉnh đặc biệt quan tâm phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo nhằm thúc đẩy năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Nhiều chính sách hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, phát triển tổ chức trung gian, kết nối viện – trường – doanh nghiệp đã được ban hành và tổ chức triển khai đồng bộ. Các chương trình đổi mới công nghệ, hợp tác nghiên cứu – triển khai (R&D), nâng cao năng lực quản trị sáng tạo cho doanh nghiệp đã được lồng ghép vào kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực trọng điểm. Hoạt động đổi mới sáng tạo từng bước lan tỏa trong các cơ quan quản lý, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, góp phần hình thành môi trường thuận lợi để ứng dụng các mô hình, giải pháp đổi mới trong quản lý, sản xuất và cung ứng dịch vụ.

**3.** Chuyển đổi số được tỉnh xác định là nhiệm vụ chiến lược quan trọng trong quá trình hiện đại hóa nền hành chính, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Tỉnh đã ban hành hàng loạt chính sách, kế hoạch, chương trình hành động cụ thể để triển khai chuyển đổi số một cách đồng bộ, có trọng tâm và phù hợp với điều kiện thực tiễn từng ngành, từng địa phương. Các cơ quan, đơn vị đã tập trung hoàn thiện thể chế số, phát triển hạ tầng số, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành và ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công. Bên cạnh đó, tỉnh cũng chú trọng tổ chức bộ máy, nâng cao nhận thức, năng lực số và cơ chế phối hợp liên ngành, từ đó tạo hành lang pháp lý đầy đủ, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt trong triển khai chuyển đổi số trên toàn tỉnh.

**II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**1. Kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

- Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả rõ nét, tập trung vào chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi, cải tiến kỹ thuật canh tác... Hàng chục giống lúa, cây ăn trái có năng suất cao, chất lượng tốt đã được phục tráng, chọn lọc và đưa vào sản xuất. Nhiều mô hình sản xuất tiên tiến như rau an toàn, dưa lưới nhà màng, lúa chất lượng cao... được nhân rộng, góp phần hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn. Trong chăn nuôi, các mô hình ứng dụng kỹ thuật giúp tăng năng suất 15–25%, đồng thời giảm thiểu dịch bệnh và ô nhiễm môi trường. Lĩnh vực thủy sản ghi nhận việc chuyển giao thành công các quy trình nuôi tôm thẻ công nghệ Biofloc, cá rô đồng, cá lóc, cá trê vàng..., giúp hàng trăm hộ dân làm chủ kỹ thuật, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất. Bên cạnh đó, tỉnh cũng chú trọng xây dựng, bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ cho các sản phẩm chủ lực như gạo, thanh long, chanh không hạt..., góp phần nâng cao giá trị thương hiệu nông sản Long An trên thị trường.

- Tỉnh đã đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiều sản phẩm ứng dụng có giá trị thực tiễn đã được phát triển như: thiết bị vớt và cuộn lục bình, dầu hạt thanh long, nước rửa tay từ tinh dầu tràm, thiết bị bảo quản lúa, chế biến nước uống, thực phẩm sấy từ nông sản, thiết bị bay phục vụ cứu hộ – chữa cháy… Một số mô hình đã được thương mại hóa và kết nối với doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Công nghệ số được ứng dụng rộng rãi trong hoạt động điều hành, sản xuất và quản lý dữ liệu. Toàn tỉnh ghi nhận hơn 30 sáng kiến, mô hình công nghệ được ứng dụng thành công và đang được tiếp tục mở rộng giai đoạn 2025 - 2030. Cùng với đó, tỉnh cũng tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua hoạt động thẩm định công nghệ, cấp phép tổ chức khoa học và công nghệ và chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, góp phần thúc đẩy phát triển thị trường công nghệ tại địa phương.

- Lĩnh vực y dược tập trung ứng dụng kỹ thuật hiện đại trong chẩn đoán và điều trị, đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu phát triển dược liệu bản địa như tràm, nghệ, bưởi... để sản xuất sản phẩm chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Trong khi đó, lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đã thực hiện hơn 20 đề tài nghiên cứu có giá trị thực tiễn cao, cung cấp luận cứ quan trọng phục vụ xây dựng các chính sách phát triển du lịch, logistics, an ninh biên giới, quản lý tài chính công, di sản văn hóa... Nhiều kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng vào các đề án lớn như phát triển sản phẩm du lịch đặc thù, quản lý lễ hội truyền thống, phát huy đội ngũ trí thức trong hệ thống chính trị, góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa và thúc đẩy phát triển bền vững địa phương.

- Tỉnh đã từng bước hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thông qua ban hành hơn 18 kế hoạch, đề án và quyết định hỗ trợ khởi nghiệp, kết nối với các tổ chức uy tín trong và ngoài nước. Đã hình thành không gian khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng cho cán bộ, doanh nghiệp, sinh viên; tổ chức thành công các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo và kết nối truyền thông cộng đồng. Hệ sinh thái bước đầu hình thành đầy đủ các cấu phần cơ bản, hướng tới mở rộng trong giai đoạn tới. Về Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), Long An duy trì vị trí thứ 12/63 tỉnh, thành phố trong hai năm liên tiếp (2023 và 2024), đứng thứ hai toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Các trụ cột nổi bật gồm: trình độ phát triển doanh nghiệp, sản phẩm sáng tạo – công nghệ và thể chế. Công tác sở hữu trí tuệ cũng đạt kết quả nổi bật với hơn 240 nhãn hiệu được hướng dẫn đăng ký, nhiều nhãn hiệu tập thể và chứng nhận được cấp tại trong nước và quốc tế, góp phần nâng cao uy tín, giá trị sản phẩm đặc thù của tỉnh trên thị trường toàn cầu.

**2. Kết quả hoạt động chuyển đổi số**

- Tỉnh Long An đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong xây dựng và phát triển trụ cột chính quyền số, thể hiện qua thứ hạng liên tục cải thiện trong các năm gần đây: xếp hạng 11/63 năm 2021, hạng 9/63 năm 2022 và hạng 8/63 năm 2023. Tỉnh đã đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng số, bao gồm mạng truyền số liệu chuyên dùng đến 100% cơ quan hành chính, hệ thống hội nghị trực tuyến kết nối 2 chiều đến cấp xã, trung tâm dữ liệu tỉnh đạt cấp độ 3 an toàn thông tin và từng bước triển khai hạ tầng IoT phục vụ đô thị thông minh, nông nghiệp, môi trường và giao thông. Về nền tảng số dùng chung, tỉnh đã vận hành hiệu quả nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các Bộ, ngành và trong nội tỉnh, triển khai các nền tảng số như “Long An Số”, quản lý an toàn thông tin, học trực tuyến mở, hóa đơn điện tử, chính quyền số cấp xã… góp phần hình thành hệ sinh thái số toàn diện. Tỉnh cũng đã hoàn thành xây dựng Kho cơ sở dữ liệu dùng chung, đưa vào vận hành Cổng dữ liệu mở, Cổng dữ liệu bản đồ số, hiện tích hợp 234 bộ dữ liệu, đồng thời hoàn thành 119/186 cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý Nhà nước. Các hệ thống thông tin phục vụ điều hành, giải quyết thủ tục hành chính được triển khai đồng bộ từ cấp tỉnh đến xã, tỷ lệ ký số văn bản điện tử đạt trên 99%, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt trên 90%. Trung tâm điều hành thông minh (IOC) được vận hành hiệu quả, tích hợp nhiều dịch vụ quản lý điều hành đô thị. Tỉnh cũng triển khai xây dựng đô thị thông minh tại Tân An và mở rộng hệ thống giám sát bằng camera thông minh. Về nhân lực số, tỉnh đã thành lập và duy trì gần 1.000 tổ công nghệ số cộng đồng tại tất cả địa phương cấp xã với hơn 5.400 thành viên; tổ chức tập huấn cho hơn 27.000 lượt người về kỹ năng số; đồng thời đảm bảo an toàn thông tin với 100% hệ thống được xếp hạng cấp độ và kết nối cảnh báo với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

- Tỉnh đã từng bước phát triển kinh tế số thông qua hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số và ứng dụng chuyển đổi số trong các ngành sản xuất – kinh doanh. Hiện toàn tỉnh có 447 doanh nghiệp công nghệ số với gần 4.740 lao động. Tỉnh đã ban hành Chương trình xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực công nghệ kỹ thuật số, công nghệ thông tin (CNTT) và kinh tế số; triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, khuyến khích doanh nghiệp tự đánh giá trên nền tảng DBI. Trong lĩnh vực nông nghiệp, các giải pháp chuyển đổi số như blockchain, QR code, phần mềm giám sát quan trắc, hệ thống điều khiển điện thông minh trong nuôi tôm, thiết bị bay không người lái, giám sát côn trùng thông minh... được áp dụng hiệu quả. Các sản phẩm nông nghiệp được hỗ trợ đưa lên sàn thương mại điện tử, từng bước số hóa chuỗi giá trị. Ngành thuế đã đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý thuế thông qua hóa đơn điện tử, ký số, tra cứu bản đồ số hộ kinh doanh, góp phần tăng tính minh bạch và hiệu quả điều hành.

- Tỉnh Long An đã có nhiều bước tiến trong xây dựng xã hội số, với hạ tầng mạng cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, từng bước mở rộng vùng phủ sóng di động, triển khai dịch vụ mạng 5G. Nền tảng công dân số “Long An Số” và hệ thống 1022 được duy trì hiệu quả, tạo kênh tương tác hai chiều giữa người dân và chính quyền. Các cơ sở giáo dục, y tế, cơ sở giáo dục nghề nghiệp triển khai thanh toán không dùng tiền mặt; 93% đối tượng an sinh xã hội nhận chi trả qua tài khoản ngân hàng. Y tế số được đẩy mạnh thông qua mô hình KIOSK y tế thông minh, khám chữa bệnh bằng sinh trắc học, sử dụng căn cước công dân gắn chip, VNeID, VssID để quản lý và khám chữa bệnh bảo hiểm y tế (BHYT) tại 100% cơ sở y tế công lập. Tỉnh đã hoàn tất làm sạch dữ liệu dân cư, bảo hiểm xã hội, trẻ em; triển khai sổ sức khỏe điện tử, giấy chuyển tuyến, giấy hẹn khám lại tích hợp trên VNeID. Tỷ lệ cài đặt VssID toàn tỉnh đạt trên 50%, hỗ trợ người lao động tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ an sinh xã hội.

**IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Ưu điểm**

- Thời gian qua, tỉnh Long An đã ban hành và triển khai nhiều chương trình, chính sách quan trọng nhằm phát triển khoa học và công nghệ, góp phần tạo ra những chuyển biến tích cực trong phát triển kinh tế – xã hội. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ngày càng được quan tâm, đầu tư có trọng điểm, gắn với nhu cầu thực tiễn của các ngành, lĩnh vực. Tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh tiếp tục được củng cố và nâng cao, thể hiện rõ vai trò trong việc cải thiện năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và chất lượng tăng trưởng. Việc đầu tư cho khoa học và công nghệ đã được đa dạng hóa, ngoài ngân sách nhà nước còn huy động được nguồn lực từ doanh nghiệp, tổ chức ngoài công lập và xã hội hóa. Các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, bảo hộ tài sản trí tuệ và truy xuất nguồn gốc được triển khai hiệu quả, góp phần thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm trên thị trường.

- Tỉnh đã từng bước hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích tinh thần nghiên cứu, sáng tạo trong cộng đồng, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp và giới trẻ. Nhiều chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian và kết nối viện – trường – doanh nghiệp đã được ban hành và triển khai đồng bộ. Các hoạt động đổi mới sáng tạo không chỉ góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn tại địa phương mà còn mở rộng thị trường khoa học và công nghệ, thu hút nguồn lực chất lượng cao tham gia vào chuỗi giá trị đổi mới. Bên cạnh đó, các chương trình tuyên truyền, đào tạo, truyền cảm hứng khởi nghiệp, tổ chức các cuộc thi, sự kiện sáng tạo cũng góp phần quan trọng trong việc lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo, đóng góp vào phát triển bền vững của tỉnh.

- Chuyển đổi số được tỉnh xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt và có tính chiến lược trong giai đoạn hiện nay. Với sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo tỉnh và sự vào cuộc đồng bộ của các cấp, các ngành, tỉnh đã xây dựng nền tảng ban đầu tương đối vững chắc trên cả ba trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Hạ tầng số từng bước được hiện đại hóa, dữ liệu số và các nền tảng dùng chung được triển khai đồng bộ, hỗ trợ tốt cho hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước. Kinh tế số đã có chuyển biến tích cực, từng bước lan tỏa vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại điện tử và quản lý thuế, với đóng góp vào GRDP tỉnh năm 2024 đạt 6,36%. Xã hội số bước đầu hình thành, người dân từng bước làm quen với môi trường số thông qua các nền tảng, dịch vụ số thiết yếu. Những kết quả đạt được thể hiện sự ổn định và chiều hướng phát triển tích cực của tỉnh trong tiến trình chuyển đổi số toàn diện, góp phần nâng cao thứ hạng Chỉ số Chuyển đổi số (DTI) cấp tỉnh trong những năm gần đây.

**2. Tồn tại, hạn chế**

- Việc quán triệt và triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học và công nghệ tại một số địa phương còn hình thức, thiếu chiều sâu. Nhận thức của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, cán bộ cơ sở và cộng đồng doanh nghiệp về vai trò then chốt của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế – xã hội còn hạn chế, dẫn đến thiếu sự chủ động trong hành động và đầu tư cho lĩnh vực này. Công tác tuyên truyền, truyền thông khoa học và công nghệ còn mờ nhạt, chưa tạo được sức lan tỏa trong xã hội.

- Tiềm lực khoa học và công nghệ chưa được đầu tư đồng bộ; cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu – triển khai còn yếu, thiếu các trung tâm nghiên cứu chuyên sâu, trung tâm khởi nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các tổ chức ươm tạo công nghệ. Trạm Nghiên cứu Ứng dụng Khoa học Công nghệ Đồng Tháp Mười hoạt động còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học và công nghệ tại các sở, ngành, địa phương vừa thiếu, vừa yếu về chuyên môn, chưa được đào tạo bài bản. Công tác thu hút chuyên gia, nhà khoa học, sinh viên giỏi làm việc tại tỉnh còn nhiều rào cản, thiếu cơ chế đặc thù để giữ chân nhân tài.

- Môi trường và chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo, nhất là cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, vẫn còn nhiều bất cập. Các chương trình hỗ trợ đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng, phát triển tài sản trí tuệ phần lớn thực hiện qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo cơ chế truyền thống, thủ tục phức tạp, thời gian kéo dài, chưa phù hợp với tốc độ vận hành của doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp khoa học – công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao còn rất thấp; sự tham gia của khu vực tư nhân vào đổi mới sáng tạo còn thụ động, thiếu vai trò dẫn dắt.

- Liên kết giữa các chủ thể trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo còn lỏng lẻo. Mối quan hệ viện – trường – doanh nghiệp chưa hình thành bền vững; thiếu các tổ chức trung gian như trung tâm hỗ trợ chuyển giao công nghệ, sàn giao dịch công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo độc lập. Các sản phẩm từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ phần lớn mang tính thử nghiệm, chưa có nhiều kết quả thương mại hóa thực sự thành công. Việc đăng ký sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ diễn ra chậm, hiệu quả chưa cao, chưa tạo động lực thúc đẩy thị trường công nghệ phát triển.

- Quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh còn thiếu đồng đều giữa các lĩnh vực. Hạ tầng công nghệ thông tin tại nhiều đơn vị, nhất là cấp xã, vẫn còn lạc hậu; khoảng 15% thiết bị có cấu hình thấp, một số ứng dụng dùng chung sử dụng công nghệ cũ, khó mở rộng và tích hợp. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành của một số sở, ngành chưa hoàn chỉnh, còn rời rạc, thiếu tiêu chí “đúng – đủ – sạch – sống”, gây khó khăn trong kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu mở. Các nền tảng số như: Long An IOC, bản đồ số, công dân số mới triển khai bước đầu, hiệu quả sử dụng còn hạn chế. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tăng nhưng chưa ổn định, người dân vẫn cần được hướng dẫn sử dụng.

- Nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu; bình quân giai đoạn 2021 - 2024 chỉ bố trí khoảng 160 tỷ đồng/năm, chưa đạt 1% tổng chi ngân sách địa phương. Đội ngũ chuyên trách công nghệ thông tin còn mỏng, phần lớn kiêm nhiệm, thiếu ổn định. Chuyển đổi số trong doanh nghiệp còn chậm, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, vẫn chủ yếu hoạt động theo phương thức truyền thống, ít ứng dụng công nghệ số. Tỷ lệ doanh nghiệp tự đánh giá mức độ chuyển đổi còn thấp, chưa có hướng dẫn thống nhất về tính toán tỷ trọng kinh tế số trong GRDP, gây khó khăn trong thống kê và định hướng chính sách.

- Khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ số của người dân còn hạn chế. Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động chưa đồng đều; nền tảng “Long An Số” mới thu hút khoảng 1/3 dân số tham gia, dịch vụ tích hợp còn ít, chưa thực sự thiết thực. Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực y tế và dịch vụ công còn thấp; nhiều người dân chưa hình thành thói quen sử dụng dịch vụ số. Một số ứng dụng như VNeID, VssID, sổ sức khỏe điện tử đã triển khai nhưng chưa đạt độ phủ lớn, chưa tạo ra chuyển biến rõ rệt trong tương tác giữa chính quyền và người dân trên môi trường số.

**3. Nguyên nhân**

**3.1. Nguyên nhân chủ quan**

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý và doanh nghiệp về vai trò trung tâm, then chốt của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn chưa đầy đủ. Điều này dẫn đến sự thiếu quyết liệt trong chỉ đạo, thiếu ưu tiên trong phân bổ nguồn lực, cũng như chưa coi đây là nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung triển khai. Công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện tại một số sở, ngành, địa phương còn hình thức, thiếu chiều sâu; việc cụ thể hóa chủ trương thành chính sách đặc thù của tỉnh còn chậm, chưa kịp thời. Nhiều đơn vị chưa chủ động đánh giá nhu cầu, xây dựng kế hoạch chuyển đổi số tổng thể, dẫn đến thiếu lộ trình, thiếu giải pháp cụ thể và lúng túng trong thực hiện.

- Nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn phân tán, bị động, chưa tương xứng với yêu cầu thực tiễn, một phần do các cơ quan, đơn vị chưa xây dựng kế hoạch rõ ràng để bảo vệ kinh phí hằng năm. Các quy định về tài chính – ngân sách còn phức tạp, thiếu linh hoạt, chưa phù hợp với đặc thù của khu vực doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo còn hạn chế, chưa đủ hấp dẫn để thu hút đầu tư. Đội ngũ cán bộ chuyên trách khoa học, công nghệ và chuyển đổi số vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chuyên môn, chưa có cơ chế hiệu quả để thu hút nhân lực chất lượng cao. Chế độ đãi ngộ chưa tương xứng với tính chất công việc khiến cán bộ khó gắn bó lâu dài, thường xuyên luân chuyển, ảnh hưởng đến tính ổn định và hiệu quả triển khai.

- Sự tham gia của doanh nghiệp trong chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo còn hạn chế. Đặc biệt, doanh nghiệp nhỏ và vừa còn e ngại về chi phí đầu tư ban đầu, thiếu thiết bị, kỹ năng và kiến thức công nghệ, trong khi chưa thấy rõ lợi ích lâu dài. Việc ứng dụng thương mại điện tử còn gặp nhiều khó khăn do tâm lý dè dặt và thiếu niềm tin vào hiệu quả. Về phía người dân, khả năng tiếp cận và sử dụng công nghệ số còn nhiều hạn chế, nhất là ở người lớn tuổi, khu vực nông thôn. Thủ tục hành chính điện tử vẫn còn phức tạp, nền tảng chưa thân thiện. Hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại một số nơi còn hình thức, thành viên chưa am hiểu sâu về công nghệ, chưa có nguồn lực hỗ trợ nên hiệu quả tuyên truyền và hỗ trợ người dân còn thấp.

**3.2. Nguyên nhân khách quan**

- Hệ thống thể chế, chính sách ở cấp Trung ương tuy đã có nhiều đổi mới tích cực, nhưng vẫn còn thiếu đồng bộ; một số cơ chế chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Nhiều chính sách hỗ trợ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy chuyển đổi số còn mang tính nguyên tắc chung, chưa có cơ chế linh hoạt hoặc đặc thù áp dụng tại cấp tỉnh. Việc chưa ban hành danh mục nền tảng số dùng chung cấp quốc gia đã khiến các địa phương lúng túng trong lựa chọn công nghệ, đầu tư, kết nối và chia sẻ dữ liệu. Đồng thời, chưa có quy định cụ thể về giá trị pháp lý của dữ liệu số nên các địa phương chưa thể sử dụng dữ liệu làm căn cứ cải cách thủ tục hành chính và hỗ trợ ra quyết định trong quản lý, điều hành.

- Mức đầu tư cho khoa học, công nghệ cũng như chuyển đổi số còn hạn chế, chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Việc huy động nguồn lực xã hội hóa, doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và đổi mới sáng tạo vẫn khó khăn do thiếu cơ chế hấp dẫn và bảo đảm an toàn cho nhà đầu tư. Thị trường khoa học và công nghệ chưa phát triển đồng bộ; các kênh thương mại hóa kết quả nghiên cứu, liên kết cung cầu công nghệ còn yếu. Cơ chế hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo còn thiếu thực chất, thiếu các tổ chức trung gian như trung tâm đổi mới sáng tạo, sàn giao dịch công nghệ. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin và khoa học công nghệ còn thiếu, trình độ chưa đồng đều, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và toàn diện của chuyển đổi số.

- Tác động từ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, biến động chính trị và công nghệ toàn cầu đã tạo ra áp lực lớn đối với việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở địa phương. Tỉnh Long An giáp ranh với Thành phố Hồ Chí Minh nên gặp khó khăn trong thu hút các doanh nghiệp công nghệ lớn, chuyên gia, nhà khoa học có trình độ cao về làm việc. An ninh mạng ngày càng phức tạp, tội phạm công nghệ cao gia tăng gây tâm lý lo ngại trong người dân, đặc biệt là người cao tuổi, người dân ở khu vực nông thôn và các nhóm yếu thế. Điều này ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng tham gia vào môi trường số, làm chậm quá trình phổ cập các nền tảng số trong cộng đồng và phát triển xã hội số.

**PHẦN III**

**NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

**I. DỰ BÁO BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC**

**1. Bối cảnh quốc tế**

- Trong những năm gần đây, thế giới đang trải qua những chuyển biến sâu rộng với sự phát triển mạnh mẽ của toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và đặc biệt là tác động ngày càng rõ nét của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cuộc cách mạng này với trọng tâm là các công nghệ đột phá như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật, chuỗi khối, công nghệ sinh học, vật liệu mới, robot, thực tế ảo – tăng cường... đang làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất, mô hình quản lý, cấu trúc thị trường và tổ chức xã hội. Đây không chỉ là cuộc cách mạng về công nghệ mà còn là một cuộc chuyển đổi toàn diện trong cách con người sống, làm việc và tương tác.

- Các quốc gia phát triển đang chủ động định hình chiến lược tăng trưởng dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cạnh tranh toàn cầu hiện nay không còn dựa nhiều vào lợi thế tài nguyên hay lao động giá rẻ, mà chuyển sang cạnh tranh về năng lực nghiên cứu, phát triển công nghệ và khả năng ứng dụng sáng tạo. Việc rút ngắn thời gian từ nghiên cứu đến ứng dụng thực tiễn, cùng với vòng đời công nghệ ngắn hơn, đang tạo áp lực đổi mới liên tục đối với mọi quốc gia và doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, khoa học và công nghệ ngày càng giữ vai trò là lực lượng sản xuất trực tiếp, là nền tảng của năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Chuyển đổi số trở thành xu thế phát triển chủ đạo toàn cầu. Đây không chỉ là việc ứng dụng công nghệ thông tin mà là sự chuyển đổi toàn diện trong cách chính phủ quản lý, doanh nghiệp vận hành và người dân tương tác với xã hội. Các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, dữ liệu lớn, chuỗi khối, mạng 5G… đang là hạ tầng cốt lõi của các nền kinh tế. Việc xây dựng chính phủ số, kinh tế số, xã hội số được xem là hướng đi tất yếu để nâng cao hiệu quả quản trị công, tăng trưởng bền vững và cải thiện chất lượng cuộc sống.

- Nhiều quốc gia đã đạt được những thành tựu rõ rệt nhờ chiến lược công nghệ và chuyển đổi số toàn diện. Hoa Kỳ dẫn đầu toàn cầu về kinh tế số với các tập đoàn công nghệ lớn; Đức triển khai thành công mô hình công nghiệp thông minh (Công nghiệp 4.0); Nhật Bản với xã hội 5.0 tích hợp công nghệ vào mọi mặt đời sống; Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore đi đầu về đô thị thông minh, giáo dục số, chính phủ điện tử và kinh tế số. Các nước Đông Nam Á như Malaysia, Indonesia, Thái Lan cũng đẩy mạnh chiến lược chuyển đổi số để bắt kịp xu thế toàn cầu, thu hẹp khoảng cách phát triển và tạo ra động lực tăng trưởng mới.

- Từ những xu thế và thực tiễn quốc tế cho thấy, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số không chỉ là công cụ hỗ trợ phát triển mà đã trở thành chiến lược trung tâm của mỗi quốc gia. Quốc gia nào nắm bắt sớm, triển khai hiệu quả các định hướng công nghệ sẽ có cơ hội bứt phá toàn diện trong kỷ nguyên số; ngược lại, nếu chậm thích ứng sẽ đối mặt với nguy cơ tụt hậu sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu.

**2. Bối cảnh trong nước**

- Trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước xác định rõ vai trò trung tâm của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quá trình phát triển đất nước. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030 đều nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ, phát triển kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số quốc gia nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm hoàn thiện thể chế, thúc đẩy mô hình kinh doanh mới, cho phép thử nghiệm chính sách sáng tạo và tăng cường liên kết giữa khu vực nhà nước và doanh nghiệp trong đổi mới công nghệ.

- Đồng thời, nhiều nghị quyết chuyên đề của Trung ương gần đây tiếp tục khẳng định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là những động lực then chốt. Trong đó, nổi bật như Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng pháp luật để tạo hành lang phát triển sáng tạo; Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới và Nghị quyết số 68-NQ/TW về khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao. Những định hướng này phản ánh rõ xu thế phát triển của quốc gia, trong đó chuyển đổi số được triển khai đồng bộ trên ba trụ cột: chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

- Trên thực tế, Việt Nam đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Trong chính phủ số, các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia như cơ sở dữ liệu dân cư, đất đai, doanh nghiệp… được vận hành hiệu quả, giúp nâng cao năng lực điều hành và cải cách hành chính. Hơn 80% dịch vụ công hiện nay đã thực hiện trực tuyến toàn trình, với tỷ lệ sử dụng ngày càng tăng. Kinh tế số tăng trưởng nhanh, đóng góp khoảng 15% GDP năm 2024 và đang hướng đến mục tiêu 20% vào năm 2025. Các doanh nghiệp số Việt Nam không chỉ phát triển trong nước mà còn từng bước tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Đồng thời, xã hội số có những bước tiến mạnh mẽ với việc phổ cập ứng dụng số, phát triển nền tảng công dân điện tử và gia tăng thanh toán không dùng tiền mặt trong các dịch vụ thiết yếu.

- Tại nhiều địa phương, chuyển đổi số đang trở thành trọng tâm trong chiến lược phát triển, với những mô hình điển hình như Đà Nẵng, Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh hay Thừa Thiên Huế. Sự thay đổi trong cách chính quyền điều hành, doanh nghiệp sản xuất – kinh doanh và người dân tiếp cận dịch vụ công đang từng bước tạo nên một nền tảng xã hội số toàn diện. Tuy nhiên, quá trình này cũng đòi hỏi sự đầu tư mạnh mẽ hơn về thể chế, hạ tầng và nhân lực, đồng thời cần sự linh hoạt, sáng tạo trong điều hành ở cấp địa phương.

- Đối với Long An và Tây Ninh, việc sáp nhập thành một đơn vị hành chính cấp tỉnh mới theo chủ trương của Trung ương là bước ngoặt quan trọng. Quá trình chuyển đổi mô hình từ ba cấp sang hai cấp chính quyền địa phương, cùng với việc mở rộng địa bàn, dân số và phạm vi quản lý, đòi hỏi phải nhanh chóng điều chỉnh định hướng phát triển. Đây là cơ hội lớn để tái cơ cấu hệ thống tổ chức, phân bổ nguồn lực hợp lý, mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực quản trị. Trong đó, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cần trở thành nền tảng để hình thành hệ sinh thái quản trị hiện đại, linh hoạt và thích ứng nhanh với bối cảnh mới.

- Trên cơ sở đó, Đề án được xây dựng không chỉ kế thừa thế mạnh của hai tỉnh trước đây, mà còn tích hợp phù hợp với quy mô và yêu cầu mới của đơn vị hành chính hợp nhất. Các giải pháp sẽ hướng đến việc xây dựng một hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thống nhất, có liên kết vùng chặt chẽ, đồng bộ về thể chế, hạ tầng, dữ liệu và nguồn nhân lực. Đồng thời, đây cũng là cơ hội chiến lược để thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, đưa tỉnh mới vươn lên trở thành địa phương dẫn đầu về năng lực quản trị số, hiệu quả dịch vụ công và đổi mới mô hình tăng trưởng trong thời kỳ phát triển mới.

**II. QUAN ĐIỂM**

**1.** Xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực trung tâm, then chốt để thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Đây là đột phá chiến lược trong đổi mới mô hình phát triển, hiện đại hóa phương thức quản trị và nâng cao chất lượng cuộc sống.

**2.** Chuyển đổi số là khâu đột phá hàng đầu, được triển khai toàn diện, lâu dài, trên tất cả các lĩnh vực, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể và động lực chính. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, dẫn dắt, tạo điều kiện thuận lợi; đề cao hiệu quả thực chất, tránh hình thức; gắn với yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh mạng và chủ quyền số.

**3.** Phát triển thị trường khoa học và công nghệ hiện đại, đồng bộ, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ tham gia tích cực. Thúc đẩy hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo liên kết chặt chẽ giữa nhà nước – viện trường – doanh nghiệp – nhà đầu tư – tổ chức trung gian công nghệ.

**4.** Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách đặc thù về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm linh hoạt, thông thoáng, phù hợp thực tiễn địa phương. Chủ động cụ thể hóa kịp thời chủ trương, định hướng của Trung ương; ưu tiên thử nghiệm chính sách mới, mô hình mới; đơn giản hóa thủ tục, tăng tính tự chủ, khuyến khích sáng tạo và đầu tư đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

**5.** Bảo đảm nguồn lực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nhiệm vụ chiến lược lâu dài, với tỷ lệ chi ngân sách tối thiểu 3% tổng chi thường xuyên. Tăng cường xã hội hóa, huy động các nguồn lực trong và ngoài nước; ưu tiên đầu tư cho hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu – chuyển giao – đổi mới sáng tạo, dữ liệu lớn, công nghệ hiện đại, đào tạo nhân lực chất lượng cao.

**6.** Tăng cường hợp tác quốc tế và liên kết vùng, thu hút nguồn lực tri thức, công nghệ, đầu tư và chuyên gia trong và ngoài nước; mở rộng mạng lưới hợp tác giữa tỉnh với các viện, trường, doanh nghiệp công nghệ lớn. Khuyến khích thành lập trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức nghiên cứu, cơ sở khởi nghiệp công nghệ và đào tạo nhân lực chuyển đổi số theo chuẩn quốc tế.

**III. MỤC TIÊU**

**1.** Đề án đặt mục tiêu phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với chuyển đổi số toàn diện, xác lập đây là ba trụ cột chiến lược, giữ vai trò trung tâm và là động lực then chốt cho tăng trưởng nhanh, bền vững của tỉnh Long An đến năm 2030. Trong đó, khoa học và công nghệ được định hướng phát triển theo hướng hiện đại, gắn với thực tiễn, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số vào sản xuất – kinh doanh và quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo; từng bước hình thành thị trường khoa học và công nghệ đồng bộ, phát triển tiềm lực khoa học địa phương về hạ tầng, nhân lực, tổ chức nghiên cứu.

**2.** Đồng thời, thúc đẩy mạnh mẽ hệ sinh thái đổi mới sáng tạo với doanh nghiệp làm trung tâm, khuyến khích hợp tác liên ngành giữa viện – trường – doanh nghiệp – nhà đầu tư; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp công nghệ và tổ chức trung gian đổi mới sáng tạo. Tăng tốc chuyển đổi số toàn diện trên cả ba trụ cột: chính quyền số hiệu lực, hiệu quả; kinh tế số là động lực phát triển mới; xã hội số là nền tảng nâng cao chất lượng sống của người dân. Hình thành nền tảng dữ liệu số, hạ tầng số đồng bộ, an toàn, kết nối thông suốt; phát huy vai trò trung tâm của người dân và doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số. Phấn đấu đến năm 2030, Long An trở thành địa phương đi đầu trong khu vực và thuộc nhóm dẫn đầu cả nước về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

**IV. CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN ĐỘT PHÁ**

**1.** Đóng góp của tăng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt tối thiểu 55%, phản ánh vai trò ngày càng rõ nét của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế - xã hội.

**2.** Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) đạt tối thiểu 50 điểm, thuộc nhóm đầu so với mặt bằng cả nước.

**3.** Có ít nhất 40 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao đang hoạt động hiệu quả, đóng vai trò dẫn dắt trong ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

**4.** Chỉ số xếp hạng đánh giá mức độ chuyển đổi số thuộc nhóm 10 tỉnh/thành dẫn đầu cả nước.

**5.** Quy mô kinh tế số đạt 30% GRDP tỉnh.

**6.** Có 90% dân số trưởng thành có kỹ năng số, tiếp cận dịch vụ số.

**7.**  Hình thành và vận hành tối thiểu 05 cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, các chủ thể đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tham gia tích cực vào hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số địa phương.

**V. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU ĐẾN NĂM 2030**

**1.** Để nâng cao đóng góp của tăng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) đạt tối thiểu 55% vào tăng trưởng kinh tế, tỉnh sẽ tập trung thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các ngành kinh tế chủ lực như nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến chế tạo, logistics và đô thị thông minh. Triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tối ưu quy trình sản xuất và mô hình quản trị, tăng hiệu quả sử dụng lao động, vốn và tài nguyên. Song song đó, tăng cường đào tạo kỹ năng công nghệ số, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi, thúc đẩy hợp tác giữa doanh nghiệp và viện – trường để đưa tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn, tạo động lực thúc đẩy TFP tăng trưởng bền vững.

**2.** Để đạt chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) tối thiểu 50 điểm và vươn lên nhóm dẫn đầu cả nước, tỉnh sẽ tập trung nâng cao năng lực các trụ cột trong PII như vốn con người, hoạt động nghiên cứu – phát triển (R&D), hạ tầng số – kỹ thuật và kết quả đổi mới sáng tạo. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đổi mới sáng tạo đồng bộ; tăng cường đầu tư cho các tổ chức nghiên cứu, cơ sở ươm tạo và trung tâm đổi mới sáng tạo địa phương; thúc đẩy mô hình liên kết ba nhà (Nhà nước – Nhà khoa học – Doanh nghiệp). Bên cạnh đó, áp dụng các công cụ đánh giá định kỳ để theo dõi tiến độ cải thiện từng trụ cột của PII theo hướng dẫn từ Bộ Khoa học và Công nghệ.

**3.** Phấn đấu đến năm 2030 có ít nhất 40 doanh nghiệp khoa học – công nghệ và doanh nghiệp công nghệ cao hoạt động hiệu quả, đóng vai trò đầu tàu trong ứng dụng và chuyển giao công nghệ tại địa phương. Tỉnh sẽ tập trung rà soát, hỗ trợ doanh nghiệp tiềm năng hoàn thiện hồ sơ công nhận; ưu tiên bố trí nguồn lực từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ để hỗ trợ nghiên cứu, đổi mới công nghệ, sản phẩm và quy trình sản xuất; phát triển các chương trình kết nối doanh nghiệp với viện – trường để hình thành doanh nghiệp khởi nguồn công nghệ. Đồng thời triển khai chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng và hỗ trợ tiếp cận cơ sở hạ tầng công nghệ cho các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

**4.** Về chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cấp tỉnh, tỉnh phấn đấu nằm trong nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước vào năm 2030. Để đạt mục tiêu này, tỉnh sẽ đẩy mạnh hoàn thiện nền tảng chính quyền số với hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung, liên thông; triển khai số hóa toàn bộ quy trình hành chính công, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tích hợp qua nền tảng số dùng chung. Tăng cường đầu tư hạ tầng số, an toàn thông tin và nhân lực chuyển đổi số tại cơ sở; ứng dụng mạnh mẽ trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud) trong quản lý, giám sát và ra quyết định.

**5.** Để đạt mục tiêu quy mô kinh tế số chiếm 30% GRDP vào năm 2030, tỉnh tập trung phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số, chuyển đổi số trong các ngành kinh tế truyền thống, thúc đẩy thương mại điện tử, dịch vụ số, sản xuất thông minh và nền tảng số nông nghiệp. Đồng thời đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp công nghệ lớn, xây dựng khu công nghiệp số, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi mô hình kinh doanh phù hợp với xu thế kinh tế số. Song song đó là hoàn thiện chính sách về chia sẻ dữ liệu, thanh toán điện tử, logistics số và bảo đảm an toàn mạng.

**6.** Nhằm bảo đảm 90% dân số trưởng thành có kỹ năng số và tiếp cận dịch vụ số, tỉnh sẽ triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản đến nâng cao thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng, Đội hình IT – Xanh của Đoàn thanh niên, trường học, trung tâm cộng đồng, nền tảng học trực tuyến và phối hợp với doanh nghiệp công nghệ. Ưu tiên phổ cập kỹ năng số cho nhóm yếu thế như người cao tuổi, nông dân, lao động phổ thông; phát triển các nền tảng công dân số như VNeID, khám chữa bệnh từ xa, giáo dục số, thương mại số nông sản… giúp người dân làm quen và khai thác hiệu quả các dịch vụ số.

**7.** Xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh là nhiệm vụ then chốt nhằm tạo lập môi trường thuận lợi, minh bạch và hấp dẫn để thu hút các nguồn lực tri thức, tài chính và công nghệ trong và ngoài nước. Việc hình thành khung chính sách phù hợp sẽ giúp tháo gỡ các rào cản thể chế, thúc đẩy sự tham gia tích cực của doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học – công nghệ vào hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh, hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội nhanh, bền vững và thích ứng hiệu quả với bối cảnh chuyển dịch toàn cầu.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Hiện trạng** | **2025** | **2026** | **2027** | **2028** | **2029** | **2030** |
| 1 | Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế | 43,35 % (Giai đoạn  2016 -2020) | 35,49 % (Giai đoạn 2021- 2025) | - | - | - | - | 55% (Giai đoạn 2026 - 2030) |
| 2 | Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) | Năm 2023 đạt 44,95 điểm (hạng 12); Năm 2024 đạt 42,05 (hạng 12) | 45 | 46 | 47 | 48 | 49 | ≥50 |
| 3 | Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ, công nghệ cao | 23 | 24 | 28 | 32 | 36 | 40 | ≥40 |
| 4 | Chỉ số xếp hạng đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt hạng 10 | Năm 2023 đạt hạng 17/63; Năm 2024 chưa công bố | 15 | 14 | 13 | 12 | 11 | 10 |
| 5 | Quy mô kinh tế số đạt 30% GRDP tỉnh | Năm 2024 đạt 6,36% GRDP | 10% | 12% | 15% | 20% | 25% | 30% |
| 6 | 90% dân số trưởng thành có kỹ năng số, tiếp cận dịch vụ số | Năm 2024 đạt khoảng 50% | 60% | 70% | 75% | 80% | 85% | 90% |

**VI. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ KINH TẾ XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG HOẶC CÁC RỦI RO TIỀM ẨN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN**

**1. Nhận định**

Trong quá trình triển khai Đề án, có thể phát sinh một số rủi ro ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả thực hiện, bao gồm: áp lực cạnh tranh công nghệ và chuyển đổi số toàn cầu; thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ số và dữ liệu; hạ tầng nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ và chuyển đổi số chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; năng lực quản trị, giám sát và phối hợp liên ngành còn hạn chế. Cùng với đó, những biến động kinh tế – xã hội và bất ổn vĩ mô có thể ảnh hưởng đến khả năng huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực công – tư. Đặc biệt, việc triển khai chủ trương sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh có thể gây ra thay đổi trong cơ cấu tổ chức bộ máy, phân cấp quản lý, quy hoạch phát triển và nền tảng dữ liệu, từ đó làm phát sinh rủi ro về chồng lấn nhiệm vụ, gián đoạn trong kế hoạch triển khai, thiếu thống nhất về cơ sở hạ tầng số và khó khăn trong chia sẻ, tích hợp dữ liệu giữa các địa phương.

**2. Định hướng**

Để chủ động kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro nêu trên, Đề án đề xuất các định hướng và giải pháp trọng tâm: thiết lập cơ chế điều hành linh hoạt, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương; tăng cường liên kết giữa viện – trường – doanh nghiệp trong và ngoài nước; đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa nguồn lực tài chính, huy động đầu tư từ doanh nghiệp và khu vực tư nhân; thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nhân lực công nghệ thông tin, dữ liệu và quản trị số. Riêng đối với rủi ro do sáp nhập tỉnh, cần chủ động rà soát, tích hợp và điều chỉnh các nội dung, mục tiêu, lộ trình triển khai phù hợp với quy hoạch không gian mới và chiến lược chuyển đổi số vùng liên tỉnh; bảo đảm tính kế thừa kết quả đã đạt được, duy trì sự thống nhất và tránh gián đoạn thực hiện. Cần xây dựng cơ chế phối hợp liên tỉnh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời tăng cường ứng dụng nền tảng số trong giám sát, đánh giá, cảnh báo sớm các vướng mắc để kịp thời điều chỉnh kế hoạch triển khai. Mục tiêu là bảo đảm thực hiện Đề án một cách linh hoạt, hiệu quả và bền vững trong bối cảnh hội nhập, chuyển đổi mô hình quản trị và phát triển số hiện đại.

**VII. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

Đề án được triển khai theo **ba trụ cột là: (1) Khoa học, công nghệ và (2) Đổi mới sáng tạo (3) Chuyển đổi số**, làm nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Trên cơ sở đó, **xác định 06 nhóm nhiệm vụ trọng tâm**: (1) Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và tạo chuyển biến toàn diện về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống chính trị, doanh nghiệp và xã hội; (2) Xây dựng và hoàn thiện thể chế, khung pháp lý hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (3) Phát triển đột phá hoạt động khoa học và công nghệ; (4) Phát triển toàn diện hoạt động đổi mới sáng tạo; (5) Đảm bảo an toàn, an ninh mạng trong tình hình mới; (6) Mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút hiệu quả nguồn lực tri thức, công nghệ và đầu tư từ các tổ chức, đối tác trong và ngoài nước.

Đồng thời, **Đề án tập trung triển khai 06 nhóm giải pháp gồm**: (1) Phát triển hạ tầng và nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (2) Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (3) Hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy doanh nghiệp, tổ chức khoa học và các chủ thể đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; (4) Tập trung xây dựng hoàn thiện chính quyền số; (5) Thúc đẩy phát triển kinh tế số; (6) Xây dựng xã hội số.

**1. Nhiệm vụ**

**1.1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và tạo chuyển biến toàn diện về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống chính trị, doanh nghiệp và xã hội**

- Xác định nâng cao nhận thức và đổi mới tư duy là bước đi đầu tiên mang tính chiến lược nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số một cách đồng bộ. Tỉnh sẽ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương, định hướng của Trung ương và địa phương trên tất cả các kênh truyền thông, từ báo chí chính thống, phát thanh – truyền hình đến nền tảng số, mạng xã hội và hệ thống giáo dục, chính trị cơ sở.

- Truyền thông sẽ tập trung làm rõ vai trò then chốt của nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, gắn với quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội. Đồng thời, chú trọng bồi dưỡng tư duy đổi mới và kỹ năng số cho cán bộ, công chức, doanh nghiệp và người dân, đặc biệt ở cơ sở, nhằm lan tỏa tinh thần làm chủ công nghệ và tích cực tham gia vào quá trình chuyển đổi số toàn diện.

- Bên cạnh đó, phát động các phong trào thi đua sáng tạo, nhân rộng điển hình tiên tiến, kịp thời biểu dương các tập thể, cá nhân xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Qua đó, góp phần củng cố niềm tin, khơi dậy tinh thần đổi mới, tạo chuyển biến mạnh mẽ và đồng thuận cao trong toàn xã hội, thúc đẩy sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân vào sự nghiệp phát triển tỉnh trong thời kỳ mới.

**- Nội dung công việc ưu tiên thực hiện (9 nội dung):**

(1) *Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề về đổi mới tư duy trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*. Tập trung phân tích vai trò của đổi mới tư duy trong phát triển kinh tế xã hội; nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

(2) *Xây dựng chuyên mục “Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo” trên Báo và Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh và các nền tảng mạng xã hội*… Thường xuyên cập nhật chính sách, mô hình hay, gương điển hình, kết quả nghiên cứu ứng dụng; tăng cường truyền thông tạo niềm tin xã hội và khơi dậy tinh thần sáng tạo trong nhân dân.

(3) *Tổ chức cuộc thi và tuyên dương “Sáng tạo trẻ của tỉnh”*. Khuyến khích thế hệ trẻ đề xuất ý tưởng sáng tạo, giải pháp khoa học, công nghệ mới; phát hiện, bồi dưỡng tài năng và tạo phong trào đổi mới sáng tạo trong học sinh, sinh viên, thanh niên toàn tỉnh.

(4) *Tổ chức các hội nghị, hội thảo nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước*. Trong đó tập trung tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, định hướng mục tiêu, quan điểm chỉ đạo về chuyển đổi số, giới thiệu các công nghệ số mới phục vụ giải quyết công việc, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình hay, cách làm hiệu quả trong chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, địa phương trong và ngoài tỉnh…

(5) *Tổ chức chuỗi các hoạt động, sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia hằng năm*. Tập trung tổ chức hội nghị, tọa đàm về chuyển đổi số cho lực lượng Tổ Công nghệ số cộng đồng, cán bộ, công chức, viên chức phụ trách chuyển đổi số; triển lãm giới thiệu các giải pháp công nghệ mới để người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp cận, trải nghiệm và tham gia sử dụng.

(6) *Phát động phong trào thi đua, khen thưởng lập thành tích trong công tác chuyển đổi số*. Tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu, có đóng góp tích cực trong hoạt động chuyển đổi số; khen thưởng các Tổ Công nghệ số cộng đồng có cách làm hay, hiệu quả trong triển khai xã hội số. (Phụ lục 4)

(7) *Tổ chức các hoạt động đột phá, đổi mới tư duy phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số*. Chú trọng tổ chức hội nghị, tọa đàm về thúc đẩy phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và người dân trên địa bàn tỉnh.

(8) *Triển khai các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về chuyển đổi số và thực hiện Đề án 06 trong cộng đồng*. Tập trung xây dựng và triển khai Đề án truyền thông cấp tỉnh tăng cường sản xuất các sản phẩm truyền thông giới thiệu chính sách, kết quả nổi bật về chuyển đổi số, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp sử dụng nền tảng, dịch vụ số; hợp tác với báo chí, truyền hình, mạng xã hội để tuyên truyền sâu rộng; đồng thời tổ chức các hội thi sáng tác các sản phẩm tuyên truyền về chuyển đổi số nhằm lan tỏa tinh thần chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

(9) *Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy chuyển đổi số cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý*. Tạo xung lực mới, khí thế mới trong quá trình thực hiện chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, địa phương.

**1.2. Xây dựng và hoàn thiện thể chế, khung pháp lý hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

- Xây dựng và hoàn thiện thể chế là nền tảng trọng yếu để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số một cách đồng bộ, hiệu quả. Tỉnh sẽ tập trung rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế điều hành và hướng dẫn thực thi nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Ưu tiên ban hành các quy định về thành lập và vận hành các thiết chế quan trọng như Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm khởi nghiệp sáng tạo và Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng mô hình Quỹ đầu tư mạo hiểm ứng dụng công nghệ cao để hỗ trợ các dự án khởi nguồn từ viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp công nghệ khởi nghiệp.

- Song song đó, tỉnh sẽ chú trọng phát triển các tổ chức trung gian và chủ thể sở hữu trí tuệ trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo – chuyển đổi số. Đẩy mạnh đầu tư vào các trung tâm chuyển giao công nghệ, tổ chức định giá công nghệ và tài sản trí tuệ, đơn vị tư vấn – dịch vụ công nghệ, nền tảng kết nối cung – cầu công nghệ và dữ liệu mở. Ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, viện – trường trong việc xác lập, quản lý, khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ; đồng thời phát triển khung pháp lý tạo điều kiện thuận lợi cho thí điểm công nghệ mới (sandbox), khai thác dữ liệu số và xây dựng hạ tầng chia sẻ dữ liệu phục vụ xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số tại địa phương.

**- Nội dung công việc ưu tiên thực hiện (5 nội dung):**

(1) *Xây dựng, hoàn thiện các quy định, văn bản hướng dẫn triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.* Quy định, hướng dẫn quy trình đặt hàng, tuyển chọn, khoán chi theo sản phẩm cuối cùng, quản lý kết quả nghiên cứu và cơ chế thương mại hóa, bảo hộ tài sản trí tuệ.

(2) *Ban hành quy định tổ chức và vận hành Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh, Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh.* Tập trung vào việc hình thành Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh và Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh, bảo đảm hoạt động công khai, minh bạch, hiệu quả.

(3) *Nghiên cứu, đề xuất mô hình Quỹ đầu tư mạo hiểm của tỉnh gắn với các hoạt động có liên quan khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.* Xây dựng mô hình Quỹ đầu tư mạo hiểm hỗ trợ dự án khởi nguồn công nghệ, sản phẩm tiềm năng từ viện, trường, doanh nghiệp khởi nghiệp; tập trung vào lĩnh vực công nghệ cao, chuyển đổi số. Quỹ vận hành linh hoạt, phù hợp quy định pháp luật và điều kiện thực tế địa phương.

(4) *Ban hành quy định tổ chức hình thành, phát triển và nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh.* Xây dựng và củng cố hệ thống các tổ chức trung gian về sở hữu trí tuệ như trung tâm tư vấn, dịch vụ pháp lý, định giá và chuyển giao tài sản trí tuệ. Tổ chức đào tạo chuyên sâu, phổ biến kiến thức về quản trị tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp, hợp tác xã, viện – trường nhằm nâng cao khả năng tự xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Tăng cường kết nối giữa các chủ thể sở hữu trí tuệ với thị trường và hệ thống hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm từng bước hình thành hệ sinh thái sở hữu trí tuệ hoàn chỉnh, vận hành hiệu quả tại địa phương.

(5) Hoàn thiện thể chế, ban hành các chính sách tạo lợi thế, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, trong đó trọng tâm là: Xây dựng chính sách đặc thù về ưu đãi cho cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp triển khai các nhiệm vụ tại Đề án này; chính sách trong tuyển dụng để thu hút nguồn nhân lực có trình độ công nghệ thông tin vào làm việc trong các cơ quan nhà nước; chính sách thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính; chính sách thúc đẩy hoàn thiện hạ tầng xã hội số; chính sách hỗ trợ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng; chính sách thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp công nghệ số tại tỉnh.

**1.3. Phát triển đột phá hoạt động khoa học và công nghệ**

- Thúc đẩy nghiên cứu khoa học gắn với ứng dụng thực tiễn và nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Ưu tiên các đề tài, dự án có địa chỉ ứng dụng rõ ràng, khả thi, phù hợp với điều kiện địa phương và định hướng phát triển ngành, lĩnh vực. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, tiếp nhận và làm chủ công nghệ mới, công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến chế tạo, bảo quản sau thu hoạch và phát triển dịch vụ chất lượng cao.

- Phát triển thị trường khoa học và công nghệ theo hướng đồng bộ, thực chất, gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và thực tiễn địa phương, nhằm nâng cao trình độ thị trường công nghệ tại tỉnh. ***Đây là nhiệm vụ đột phá, đóng vai trò trung tâm trong thúc đẩy ứng dụng và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ***. Tổ chức thường xuyên các hoạt động kết nối cung cầu công nghệ, ngày hội đổi mới sáng tạo, sàn giao dịch công nghệ, diễn đàn chuyển giao công nghệ… tạo kênh liên kết hiệu quả giữa nhà nghiên cứu, doanh nghiệp và nhà đầu tư; Hỗ trợ doanh nghiệp thành lập và vận hành theo mô hình doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; tạo điều kiện tiếp cận các ưu đãi về tín dụng, thuế, đất đai và hỗ trợ nghiên cứu phát triển. Khuyến khích hình thành và phát triển các tổ chức trung gian như trung tâm hỗ trợ chuyển giao công nghệ, tổ chức định giá tài sản trí tuệ, đơn vị tư vấn pháp lý về sở hữu trí tuệ… qua đó thúc đẩy hoạt động ứng dụng công nghệ và thương mại hóa sáng chế, giải pháp hữu ích trên địa bàn tỉnh; Cùng với đó, từng bước xây dựng hạ tầng dữ liệu và hệ thống thông tin phục vụ thị trường công nghệ; phát triển mạng lưới chuyên gia và cơ sở dữ liệu công nghệ mở. Tăng cường truyền thông và đào tạo nhằm nâng cao năng lực của cán bộ quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp trong việc tham gia và phát triển thị trường khoa học công nghệ, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại địa phương.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả chương trình nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa gắn với yêu cầu của thị trường và định hướng phát triển bền vững. Hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến quy trình sản xuất, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với từng ngành hàng; nâng cao năng lực đánh giá, kiểm định và truy xuất nguồn gốc. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và năng lực thực thi cho các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

**- Nội dung công việc ưu tiên thực hiện (7 nội dung):**

(1) *Chương trình nâng cao trình độ thị trường khoa học và công nghệ tỉnh.* Rà soát, đánh giá hiện trạng thị trường khoa học và công nghệ tại tỉnh để xác định lĩnh vực tiềm năng, nhu cầu công nghệ thực tiễn của doanh nghiệp và các rào cản phát triển. Hỗ trợ thành lập mới và nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao. Xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp địa phương tiếp nhận và ứng dụng kết quả nghiên cứu, tiến bộ kỹ thuật từ viện – trường, tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài tỉnh. Tổ chức định kỳ các sự kiện kết nối cung cầu công nghệ, hội chợ trình diễn công nghệ, diễn đàn đổi mới sáng tạo gắn với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về kết quả nghiên cứu, công nghệ sẵn sàng chuyển giao; kết nối với các sàn giao dịch công nghệ vùng và quốc gia. Hỗ trợ doanh nghiệp thử nghiệm, tiếp cận công nghệ mới thông qua hoạt động tư vấn, đào tạo, trình diễn công nghệ và mô hình thí điểm ứng dụng tại địa phương.

*(2) Chương trình khoa học và công nghệ lĩnh vực công nghiệp.* Tập trung thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, vật liệu mới, điện tử, bán dẫn, xây dựng và giao thông. Ưu tiên các công nghệ tiên tiến như tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, công nghệ sạch và vật liệu bền vững nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết kiệm năng lượng, tối ưu quy trình quản lý, phát triển sản phẩm và tiêu chuẩn hóa. Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng mô hình thông tin công trình, tổ chức giao thông thông minh, quản lý hạ tầng và logistics hiện đại, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và năng suất cạnh tranh.

*(3) Chương trình khoa học và công nghệ lĩnh vực nông nghiệp.* Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái và nông nghiệp hữu cơ. Tập trung nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ tưới tiết kiệm, công nghệ bảo quản sau thu hoạch. Hỗ trợ phát triển mô hình nông nghiệp thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu; tăng cường năng lực nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến người dân và hợp tác xã.

*(4) Chương trình khoa học và công nghệ lĩnh vực thương mại, dịch vụ.* Triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ số trong hiện đại hóa hoạt động thương mại, dịch vụ, logistics; phát triển nền tảng giao dịch trực tuyến và nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng. Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng thương hiệu theo xu hướng tiêu dùng mới. Đồng thời thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ trong các lĩnh vực y tế (chuyển đổi số bệnh viện, khám chữa bệnh từ xa), giáo dục (dạy học thông minh, học liệu số), văn hóa thể thao du lịch (du lịch số, bảo tồn di sản, tổ chức sự kiện trực tuyến).

*(5) Xây dựng và triển khai chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh.* Tập trung xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thúc đẩy đăng ký, bảo hộ, quản lý và khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm chủ lực, đặc sản địa phương, sáng chế, giải pháp kỹ thuật, nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp. Nâng cao năng lực quản lý, tư vấn, định giá, thương mại hóa tài sản trí tuệ thông qua các hoạt động đào tạo, truyền thông và xây dựng hệ thống tổ chức trung gian sở hữu trí tuệ.

*(6) Rà soát, điều chỉnh và cập nhật các nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu cộng đồng gắn với tên địa danh sau sáp nhập đơn vị hành chính.* Tổ chức rà soát toàn bộ các nhãn hiệu đã được bảo hộ liên quan đến địa danh, địa chỉ hành chính trên địa bàn tỉnh; thực hiện điều chỉnh, cập nhật thông tin bảo hộ phù hợp với địa giới hành chính mới sau sáp nhập. Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, địa phương bị ảnh hưởng thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để duy trì hiệu lực bảo hộ, đảm bảo quyền lợi và giá trị thương hiệu của địa phương trong sản xuất, kinh doanh và phát triển thị trường.

*(7) Xây dựng và triển khai thực hiện mô hình quản lý, khai thác và phát triển các thương hiệu cộng đồng của tỉnh.* Xây dựng mô hình tổ chức quản lý chung cho các thương hiệu cộng đồng gắn với đặc sản, sản phẩm đặc trưng của tỉnh; xác định rõ chủ thể đại diện quyền sở hữu, quyền khai thác và cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan. Hỗ trợ xây dựng bộ nhận diện thương hiệu, chiến lược phát triển thị trường và tiêu chuẩn hóa quy trình sản xuất, truy xuất nguồn gốc. Tổ chức xúc tiến thương mại, quảng bá và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nhằm gia tăng giá trị thương hiệu cộng đồng, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và phát triển kinh tế địa phương bền vững.

**1.4. Phát triển toàn diện hoạt động đổi mới sáng tạo**

- Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo hướng đồng bộ, hiệu quả, bảo đảm sự kết nối giữa doanh nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ, cơ sở giáo dục - đào tạo, nhà đầu tư và các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp. Tập trung vận hành hiệu quả Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh với các hoạt động cụ thể như: tư vấn thủ tục thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp, huấn luyện mô hình kinh doanh, hỗ trợ lập kế hoạch tài chính, kết nối mạng lưới cố vấn, nhà đầu tư thiên thần, tổ chức các sự kiện kết nối thị trường, cung cấp không gian làm việc sáng tạo và triển khai chương trình ươm tạo, tăng tốc khởi nghiệp theo ngành ưu tiên của tỉnh.

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp công nghệ thông qua các chương trình tập huấn, cố vấn chuyên sâu về quản trị, công nghệ và thị trường. Ưu tiên hỗ trợ tiếp cận vốn từ Quỹ phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh, các chương trình tín dụng ưu đãi, hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ và phát triển sản phẩm thương mại hóa từ kết quả nghiên cứu. Ban hành cơ chế phối hợp liên ngành giữa các sở, ngành trong việc xác nhận và ưu tiên hỗ trợ nhóm doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp công nghệ cao.

- Cải thiện Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) thông qua xây dựng bộ chỉ tiêu theo dõi chi tiết từng trụ cột thành phần như nguồn nhân lực chất lượng cao, năng lực nghiên cứu phát triển, mức độ ứng dụng công nghệ, liên kết hệ sinh thái, dịch vụ khoa học công nghệ. Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu đổi mới sáng tạo kết nối giữa các sở ngành, cập nhật thường xuyên theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Triển khai các mô hình đổi mới sáng tạo điển hình trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, trường học, cơ quan nhà nước nhằm tạo tác động lan tỏa và tích hợp đổi mới sáng tạo vào phát triển toàn diện của tỉnh.

**- Nội dung công việc ưu tiên thực hiện (3 nội dung):**

(1) *Xây dựng bộ tiêu chí nhận diện doanh nghiệp có đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.* Nghiên cứu và xây dựng bộ tiêu chí nhận diện doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, phù hợp với đặc thù phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh. Bộ tiêu chí sẽ làm căn cứ để xác định, phân loại và hỗ trợ các doanh nghiệp có tiềm năng đổi mới sáng tạo, phục vụ công tác thống kê, theo dõi, đánh giá hiệu quả chính sách và định hướng phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại địa phương.

*(2) Nâng cao Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của tỉnh đến năm 2030.* Tổ chức đánh giá thực trạng và phân tích các chỉ số thành phần của PII hiện nay, xác định các điểm nghẽn và tiềm năng cải thiện. Triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hạ tầng nghiên cứu đổi mới sáng tạo, tăng cường liên kết giữa các chủ thể trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ theo dõi, đánh giá PII định kỳ và lồng ghép PII vào công tác chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

*(3) Xây dựng và vận hành Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh.* Hoàn thiện cơ sở vật chất, mô hình tổ chức và cơ chế vận hành Trung tâm Đổi mới Sáng tạo tỉnh theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tư vấn phát triển công nghệ, kết nối cung cầu công nghệ, huấn luyện mô hình kinh doanh, kết nối chuyên gia – nhà đầu tư – doanh nghiệp. Trung tâm đóng vai trò là hạt nhân thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

**1.5. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng trong tình hình mới**

Tăng cường đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trên môi trường số để bảo vệ thành quả của công cuộc chuyển đổi số. Thành lập Trung tâm An ninh mạng cấp tỉnh theo quy định hiện hành; phát triển đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh.

**- Nội dung công việc ưu tiên thực hiện (3 nội dung):**

*(1) Tăng cường công tác đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao là khâu đột phá chiến lược nhằm đảm bảo chuyển đổi số an toàn, tạo niềm tin trong toàn xã hội khi tham gia chuyển đổi số*. Tỉnh cần đầu tư hệ thống giám sát, cảnh báo sớm rủi ro an ninh mạng; xây dựng năng lực ứng phó sự cố; đồng thời tăng cường tuyên truyền, đào tạo kỹ năng an toàn số cho cán bộ, người dân và doanh nghiệp.

*(2)* *Đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh đáp ứng các quy định hiện hành*. Mua sắm bản quyền phần mềm phòng chống mã độc máy trạm quản trị tập trung cho cán bộ, công chức các cơ quan nhà nước; thuê dịch vụ giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin vận hành tại Trung tâm dữ liệu tỉnh; kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin Trung tâm dữ liệu tỉnh; xây dựng hệ thống kiểm soát an toàn thông tin các thiết bị đầu cuối khi sử dụng các nền tảng số chung của tỉnh; đầu tư phần mềm bảo mật, thiết bị bảo mật và lưu trữ đáp ứng yêu cầu triển khai Đề án 06…

*(3)* *Đảm bảo an toàn thông tin các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực, địa phương*. Triển khai các giải pháp kỹ thuật và tổ chức nhằm bảo vệ hệ thống thông tin trước các nguy cơ mất an toàn thông tin. Ưu tiên đầu tư trang thiết bị như tường lửa, hệ thống phát hiện và ngăn chặn xâm nhập (IDS/IPS), thiết lập mạng nội bộ an toàn (LAN), hệ thống sao lưu – phục hồi dữ liệu, và các phần mềm bảo mật chuyên dụng. Đồng thời, xây dựng quy chế vận hành, kiểm tra, giám sát thường xuyên, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách công nghệ thông tin và an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị.

**1.6. Mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút hiệu quả nguồn lực tri thức, công nghệ và đầu tư từ các tổ chức, đối tác trong và ngoài nước**

- Tăng cường thiết lập, mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ lớn trong và ngoài nước để thúc đẩy nghiên cứu chung, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực chất lượng cao và chia sẻ kinh nghiệm chuyển đổi số. Ưu tiên hợp tác với các đối tác có thế mạnh về khoa học – công nghệ và công nghệ số, phù hợp định hướng phát triển của tỉnh.

- Thúc đẩy các chương trình hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sinh học, đô thị thông minh, giáo dục đổi mới sáng tạo, kinh tế số và kinh tế tuần hoàn. Khuyến khích các đối tác đầu tư xây dựng trung tâm nghiên cứu, không gian sáng tạo, cơ sở chuyển giao công nghệ và nền tảng số tại địa phương.

- Đồng thời, đẩy mạnh hợp tác liên tỉnh và quốc tế, nhất là với các địa phương, tổ chức mà tỉnh Long An và tỉnh Tây Ninh đã ký kết hợp tác, đặc biệt trong khoa học – công nghệ, chuyển đổi số và giáo dục – đào tạo. Xây dựng cơ chế ưu đãi, hỗ trợ chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức công nghệ quốc tế đến làm việc, tư vấn chính sách, chuyển giao công nghệ hoặc triển khai mô hình số hóa tại tỉnh.

**- Nội dung công việc ưu tiên thực hiện (02 nội dung):**

(1) *Xây dựng và triển khai kế hoạch tham gia các chương trình hội nghị, hội thảo kết nối cung cầu công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.* Tổ chức và tham gia định kỳ các hội nghị, hội thảo, diễn đàn trong và ngoài tỉnh nhằm kết nối cung cầu công nghệ, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đẩy mạnh hoạt động trình diễn công nghệ, giới thiệu nền tảng số, sản phẩm đổi mới sáng tạo, tư vấn sở hữu trí tuệ, kết nối đầu tư, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp – viện – trường – tổ chức trung gian thông qua các hoạt động đối thoại, kết nối công nghệ và chuyển đổi số.

(2) *Xây dựng và triển khai kế hoạch tăng cường hợp tác quốc tế, liên kết doanh nghiệp và phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật – số.* Đẩy mạnh ký kết, triển khai các thỏa thuận hợp tác quốc tế, vùng và liên tỉnh trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phối hợp tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhân lực kỹ thuật – số, kỹ sư công nghệ, chuyên gia dữ liệu và cán bộ quản lý chuyển đổi số. Hỗ trợ doanh nghiệp, viện – trường kết nối với các chương trình học bổng, trao đổi học thuật, thực tập sinh quốc tế để nâng cao chất lượng nhân lực phục vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và triển khai chuyển đổi số tại địa phương.

**2. Giải pháp**

**2.1. Phát triển hạ tầng và nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

**- *Phát triển đồng bộ hạ tầng khoa học – công nghệ và hạ tầng số được xác định là giải pháp đột phá, đóng vai trò nền tảng thúc đẩy hiệu quả hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tại địa phương.*** Tỉnh tập trung đầu tư nâng cấp các cơ sở nghiên cứu ứng dụng hiện có, xây dựng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu chuyên ngành, cơ sở kiểm định, thử nghiệm tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng, phục vụ cho các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, y dược và chuyển đổi số.

- Ưu tiên phân bổ ngân sách ổn định, dài hạn để phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và hạ tầng số; đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ nghiên cứu, phân tích, kiểm nghiệm và hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến, cải tiến quy trình sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế. Đặc biệt, chú trọng đầu tư hạ tầng dữ liệu dùng chung, nền tảng tích hợp, trung tâm dữ liệu và các giải pháp bảo mật để phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Tổ chức vận hành hiệu quả Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh theo hướng công khai, minh bạch, có trọng tâm – trọng điểm, nhằm hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển tài sản trí tuệ, thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ và triển khai các giải pháp chuyển đổi số.

- Đồng thời, khuyến khích hợp tác công – tư trong đầu tư phát triển hạ tầng nghiên cứu và hạ tầng số. Tăng cường huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức quốc tế để hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, không gian sáng tạo số, cơ sở dữ liệu mở và nền tảng dịch vụ công nghệ số, từng bước hoàn thiện hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

**- Nội dung công việc ưu tiên thực hiện (14 nội dung):**

*(1) Dự án đầu tư nâng cao năng lực Trạm nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ Đồng Tháp Mười (giai đoạn 2025 - 2030).* Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và nguồn nhân lực tại Trạm nhằm phục vụ nghiên cứu, thử nghiệm, trình diễn và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái đặc thù vùng Đồng Tháp Mười; từng bước xây dựng Trạm thành trung tâm nghiên cứu ứng dụng và hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân khu vực nông thôn.

*(2) Tổ chức, vận hành và phát triển Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh.* Xây dựng quy chế quản lý và cơ chế vận hành Quỹ theo hướng linh hoạt, minh bạch, hiệu quả; bảo đảm bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước và huy động thêm nguồn lực xã hội để duy trì hoạt động bền vững của Quỹ. Quỹ sẽ tập trung hỗ trợ tài chính cho các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Đồng thời, tăng cường phối hợp với các chương trình quốc gia và tổ chức quốc tế nhằm mở rộng nguồn vốn và phạm vi hỗ trợ.

*(3) Đầu tư trang thiết bị nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ trong lĩnh vực dịch vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng; Trang thiết bị phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra về tiêu chuẩn đo lường chất lượng và an toàn bức xạ, hạt nhân.* Tập trung đầu tư, mua sắm trang thiết bị hiện đại phục vụ kiểm định, thử nghiệm, đo lường, giám sát chất lượng sản phẩm hàng hóa, an toàn thiết bị, an toàn bức xạ và hạt nhân theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quốc tế. Bố trí kinh phí từ ngân sách tỉnh kết hợp với huy động các nguồn lực hợp pháp khác để tăng cường năng lực cho các đơn vị kỹ thuật chuyên ngành, phục vụ hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra, chứng nhận chất lượng sản phẩm và hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu thị trường trong và ngoài nước.

(4) *Đầu tư, hoàn thiện hạ tầng số cho Trung tâm dữ liệu tỉnh.* Đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số, nhu cầu nâng cấp, mở rộng triển khai các hệ thống thông tin dùng chung, phát triển dữ liệu lớn, đảm bảo hạ tầng cho triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo, thử nghiệm các công nghệ số mới trong xây dựng chính quyền số, phát triển đô thị thông minh và các mô hình kinh tế số mới.

(5) *Quản lý, vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh phục vụ duy trì hoạt động các hệ thống dùng chung của tỉnh*. Duy trì dịch vụ mạng cho Trung tâm dữ liệu; chi quản lý, vận hành hệ thống thông tin tại Trung tâm dữ liệu; chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tại Trung tâm dữ liệu; Chứng chỉ SSL bảo mật cho tên miền longan.gov.vn; …

(6) *Mua sắm phần mềm bản quyền máy tính.* Phục vụ công việc của cán bộ, công chức, viên chức, bao gồm: Hệ điều hành Windows, MS-Office…

(7) *Đảm bảo đường truyền phục vụ vận hành các hệ thống thông tin dùng chung từ tỉnh đến xã, phường*. Thuê dịch vụ mạng truyền số liệu chuyên dùng; thuê mạng dùng riêng phục vụ vận hành hệ thống camera cấp tỉnh…

(8) *Đầu tư, nâng cấp hạ tầng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh*. Triển khai hạ tầng mạng truyền dẫn quân sự đến các đầu mối trực thuộc; nâng cấp hạ tầng, mua sắm trang thiết bị CNTT, đường truyền phục vụ chuyển đổi số; triển khai các điểm cầu truyền hình trực tuyến quân sự tại các đầu mối trực thuộc (mạng QS); mua sắm trang bị bảo đảm kỹ thuật, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi số…

(9) *Đầu tư, nâng cấp hạ tầng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành Công an*. Nâng cấp hạ tầng, mua sắm trang thiết bị CNTT, đường truyền, phục vụ chuyển đổi số; nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin; mua sắm trang thiết bị phục vụ nghiệp vụ trinh sát, chuyển đổi số lĩnh vực điều tra hình sự, kiểm định môi trường, chuyển đổi số lĩnh vực kỹ thuật hình sự, chuyển đổi số huấn luyện, bảo vệ mục tiêu, cứu nạn…

(10) *Đầu tư, nâng cấp hạ tầng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo*. Mua sắm/thuê hạ tầng máy chủ lưu trữ CSDL ngành Giáo dục và Đào tạo và thuê dịch vụ hỗ trợ quản trị, vận hành hệ thống quản lý giáo dục…

*(11) Đầu tư, nâng cấp hạ tầng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành Y tế*. Mua sắm trang thiết bị phần cứng phục vụ triển khai Bệnh án điện tử tập trung và phục vụ khám, chữa bệnh từ xa…

*(12)* *Đầu tư, nâng cấp hạ tầng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch*. Nâng cấp hạ tầng số, mua sắm trang thiết bị CNTT, đường truyền; triển khai Camera AI tại bảo tàng tỉnh, một số khu di tích cấp quốc gia, điểm du lịch phục vụ quản lý, đảm bảo an ninh, trật tự; trang bị cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ hoạt động thông tin cơ sở cho cấp cơ sở….

*(13) Đầu tư, nâng cấp hạ tầng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, các Sở, ngành cấp tỉnh*. Nâng cấp hạ tầng, mua sắm trang thiết bị CNTT, đường truyền đảm bảo triển khai các hoạt động trên môi trường số; triển khai họp trực tuyến…

(14) *Tập trung đột phá trong xây dựng hạ tầng số để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số theo mô hình chính quyền 02 cấp và xây dựng đô thị thông minh*. Phát triển hạ tầng IOT (camera thông minh, chiếu sáng thông minh, các cảm biến ô môi trường, tiếng ồn, ...) rộng khắp, đặc biệt hoàn thành xây dựng hệ thống camera giám sát thông minh đảm bảo phủ 100% vị trí theo quy hoạch cần lắp đặt. Nâng cấp hạ tầng, mua sắm trang thiết bị CNTT, đường truyền… đảm bảo phục vụ hoạt động chính quyền số cấp xã; đầu tư trang thiết bị, hạ tầng IoT phục vụ phát triển, vận hành dịch vụ đô thị thông minh đảm bảo tích hợp đồng bộ với hệ thống của tỉnh…

**2.2. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

- Tập trung nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng số và năng lực quản trị khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ tại các sở, ngành, doanh nghiệp và tổ chức khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh. Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu, định kỳ, kết hợp lý thuyết và thực hành, đặc biệt chú trọng các nội dung cập nhật như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, an toàn thông tin, quản lý đổi mới sáng tạo, quản trị dữ liệu và triển khai chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, logistics, chính quyền số và đô thị thông minh. Đồng thời, phát triển đội ngũ cán bộ trẻ, kỹ sư, chuyên viên kỹ thuật có khả năng ứng dụng công nghệ và giải pháp số trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh và quản lý nhà nước.

- Tăng cường liên kết đào tạo với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài nước để triển khai các chương trình đào tạo theo nhu cầu thực tiễn. Đẩy mạnh hình thức thực tập, học kỳ tại doanh nghiệp, đào tạo theo đơn đặt hàng, đào tạo theo mô hình tích hợp giữa chuyên môn – kỹ năng số – kỹ năng mềm. Qua đó, hình thành mạng lưới kết nối chặt chẽ giữa nhà trường – doanh nghiệp – viện nghiên cứu, bảo đảm đầu ra gắn với nhu cầu nhân lực của các ngành kinh tế số, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, khuyến khích các mô hình hợp tác linh hoạt để thu hút chuyên gia, giảng viên, nhà khoa học có uy tín tham gia đào tạo, tư vấn theo hình thức ngắn hạn hoặc hợp đồng luân chuyển.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực trẻ có tư duy đổi mới, năng lực số và tinh thần khởi nghiệp thông qua các chương trình hướng nghiệp, tuyên truyền và hỗ trợ đào tạo cho học sinh, sinh viên. Triển khai các hoạt động trải nghiệm tại doanh nghiệp công nghệ, viện nghiên cứu, tổ chức các cuộc thi sáng tạo, lập trình, khởi nghiệp số… nhằm khơi dậy niềm đam mê nghiên cứu và định hướng học tập phù hợp với tương lai việc làm trong nền kinh tế tri thức. Ưu tiên hỗ trợ học sinh, sinh viên theo học các ngành khoa học – công nghệ – kỹ thuật – công nghệ thông tin; phát triển các mô hình đào tạo thực hành, đào tạo tích hợp số, từ đó góp phần nâng cao chất lượng đầu ra, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng và phát triển bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới.

**- Nội dung công việc ưu tiên thực hiện (7 nội dung):**

(1) *Triển khai đào tạo và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và quản lý trong các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh.* Xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu và kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ đang công tác tại các sở, ngành, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ. Tập trung vào các nội dung về công nghệ mới, chuyển đổi số, quản lý đổi mới sáng tạo, kỹ năng đánh giá và triển khai ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn sản xuất và quản lý nhà nước.

(2) *Đẩy mạnh hợp tác giữa nhà trường – doanh nghiệp – viện nghiên cứu trong đào tạo gắn với nhu cầu nhân lực thực tiễn.* Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các cơ sở giáo dục với doanh nghiệp và viện nghiên cứu để tổ chức đào tạo thực hành, thực tập chuyên môn, học kỳ doanh nghiệp và chương trình đào tạo kép. Ưu tiên lĩnh vực công nghệ kỹ thuật, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, logistics và công nghệ thông tin. Cập nhật chương trình đào tạo theo nhu cầu thực tế của thị trường lao động địa phương.

(3) *Phát triển nguồn nhân lực trẻ thông qua hoạt động hướng nghiệp và khuyến học tại trường phổ thông trung học.* Triển khai các chương trình tuyên truyền, định hướng nghề nghiệp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. Lồng ghép các nội dung về công nghệ mới, khởi nghiệp sáng tạo và chuyển đổi số vào hoạt động ngoại khóa. Tổ chức các cuộc thi sáng tạo trẻ, tham quan doanh nghiệp – viện nghiên cứu và kết nối học bổng ngành kỹ thuật, công nghệ nhằm xây dựng lực lượng nhân lực kế cận cho tỉnh.

(4) *Tăng cường liên kết và luân chuyển tri thức giữa tỉnh và các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu trong và ngoài nước*. Phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu trong nước và quốc tế để xây dựng chương trình liên kết đào tạo, trao đổi giảng viên, chuyên gia, hỗ trợ sinh viên thực tập và nghiên cứu ứng dụng tại địa phương. Qua đó, thúc đẩy dòng chảy tri thức, cập nhật công nghệ mới và nâng cao năng lực ứng dụng khoa học và công nghệ cho địa phương một cách thực chất, hiệu quả.

(5) *Phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.* Tập trung triển khai hiệu quả Phong trào “Bình dân học vụ số” tập huấn kiến thức, phổ cập kỹ năng số và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, đào tạo sử dụng trí tuệ nhân tạo cho cán bộ công chức, người dân để hình thành công dân số là các yếu tố đột phá…, đặt hàng các trường Đại học triển khai chương trình đào tạo ngắn hạn, đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ chuyên ngành công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyển đổi số.

(6) *Tăng cường đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng số trong phạm vi ngành, lĩnh vực.* Tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; thường xuyên cập nhật các kiến thức mới về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho lãnh đạo, công chức, viên chức; đào tạo nguồn nhân lực số cho các sở ngành; đào tạo phát triển nguồn nhân lực thương mại điện tử; bổ sung kiến thức, kỹ năng số cho đội ngũ giáo viên các trường trên địa bàn tỉnh…

*(7) Tập huấn, đào tạo kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và các lực lượng tham gia công tác chuyển đổi số tại các xã, phường.* Nội dung đào tạo tập trung vào kỹ năng sử dụng hệ thống chính quyền điện tử, dịch vụ công trực tuyến, xử lý văn bản điện tử, bảo mật thông tin, khai thác dữ liệu số và vận hành các nền tảng số phục vụ người dân. Chú trọng hình thức đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến, phù hợp với trình độ và nhu cầu thực tế của từng đối tượng.

**2.3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy doanh nghiệp, tổ chức khoa học và các chủ thể đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh**

- Rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ, bao gồm cả tổ chức công lập và ngoài công lập, phù hợp với đặc thù địa phương. Khuyến khích hình thành và vận hành các tổ chức trung gian như trung tâm chuyển giao công nghệ, trung tâm tư vấn sở hữu trí tuệ, tổ chức định giá tài sản trí tuệ và môi giới công nghệ. Đồng thời, triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ đăng ký bảo hộ, khai thác và thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ, bảo đảm các kết quả nghiên cứu được ứng dụng thực tế, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Xây dựng và ban hành các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động đổi mới công nghệ, tiếp nhận, làm chủ và ứng dụng công nghệ tiên tiến phục vụ sản xuất kinh doanh. Tăng cường cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ doanh nghiệp, hỗ trợ chi phí nghiên cứu phát triển, cải tiến quy trình, nâng cao chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế. Ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ, dịch vụ logistics và các khu công nghiệp công nghệ cao, qua đó hình thành chuỗi giá trị sản xuất công nghệ gắn với thị trường.

- Ban hành chính sách thu hút, đào tạo và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Hỗ trợ học sinh, sinh viên theo học các ngành khoa học công nghệ, kỹ thuật, đổi mới sáng tạo tại các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài tỉnh. Xây dựng cơ chế thu hút chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến làm việc, nghiên cứu lâu dài tại địa phương thông qua các gói hỗ trợ về tài chính, nhà ở, điều kiện làm việc. Đồng thời, thiết kế chính sách đặc thù phát triển vùng Đồng Tháp Mười theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao, qua đó thúc đẩy phát triển bền vững gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và khai thác hiệu quả tiềm năng vùng.

**- Các chính sách ưu tiên đề xuất thực hiện (10 chính sách):**

(1) *Nghiên cứu xây dựng Chính sách hỗ trợ phát triển tổ chức nghiên cứu và thúc đẩy thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ*. Ban hành và triển khai chính sách hỗ trợ thành lập và vận hành hiệu quả các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ thuộc khu vực công lập và ngoài công lập trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích hình thành viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu và phát triển tại các trường đại học, doanh nghiệp và khu công nghiệp, gắn với nhu cầu ứng dụng thực tiễn. Tạo điều kiện để các tổ chức nghiên cứu kết nối với doanh nghiệp trong triển khai nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm. Thúc đẩy hợp tác giữa nhà nước và doanh nghiệp trong nghiên cứu phát triển; hỗ trợ hạ tầng bước đầu, tư vấn và đào tạo nhằm góp phần xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại địa phương.

(2) *Nghiên cứu xây dựng Chính sách thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng.* Ban hành và triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tiếp nhận chuyển giao làm chủ công nghệ tiên tiến; cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường trong và ngoài nước. Ưu tiên doanh nghiệp trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ logistics và công nghệ số.

(3) *Nghiên cứu xây dựng Chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.* Ban hành và triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đặt hàng, đồng chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh; ưu tiên các nhiệm vụ có tính ứng dụng cao, góp phần giải quyết bài toán thực tiễn trong sản xuất kinh doanh. Tạo điều kiện thuận lợi về tài chính, thủ tục và cơ chế khoán sản phẩm để thu hút doanh nghiệp chủ động đầu tư nghiên cứu, ứng dụng kết quả khoa học vào nâng cao năng lực cạnh tranh và đổi mới công nghệ.

(4) *Nghiên cứu xây dựng Chính sách khuyến khích đầu tư vào Khu công nghiệp công nghệ cao.* Ban hành và triển khai chính sách ưu đãi toàn diện về thuế, thuê đất, hạ tầng kỹ thuật, và hỗ trợ tiếp cận tín dụng để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp công nghệ cao. Tập trung kêu gọi các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ cao như tự động hóa, vi mạch, vật liệu mới, năng lượng tái tạo, công nghệ sinh học và chuyển đổi số. Đồng thời, hỗ trợ thành lập các trung tâm R&D, cơ sở ươm tạo và vườn ươm công nghệ trong khu công nghiệp, tạo môi trường đổi mới sáng tạo gắn với doanh nghiệp và viện – trường.

(5) *Nghiên cứu xây dựng Chính sách đặc thù cho vùng Đồng Tháp Mười (phát triển nông nghiệp công nghệ cao nông nghiệp sinh thái).* Ban hành và triển khai chính sách đặc thù nhằm thúc đẩy chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp sinh thái tại vùng Đồng Tháp Mười. Tập trung hỗ trợ ứng dụng công nghệ trong canh tác, giống cây trồng vật nuôi, tưới tiêu thông minh và bảo vệ môi trường sinh thái. Ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật, vùng nguyên liệu tập trung, khu nông nghiệp công nghệ cao, trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ phục vụ nông nghiệp bền vững. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận tín dụng, đất đai và dịch vụ khoa học và công nghệ để gia tăng giá trị và sức cạnh tranh cho nông sản đặc trưng của vùng.

(6) *Nghiên cứu xây dựng Chính sách thu hút học sinh, sinh viên theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật thuộc lĩnh vực ưu tiên của tỉnh.* Ban hành và triển khai chính sách Hỗ trợ học bổng, học phí, chi phí sinh hoạt cho học sinh, sinh viên theo học các ngành gắn với định hướng phát triển như: nông nghiệp công nghệ cao, chế biến – chế tạo, logistics, môi trường, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số. Kết nối cơ sở đào tạo với doanh nghiệp để tổ chức thực hành, thực tập và cam kết tuyển dụng sau tốt nghiệp.

(7) *Nghiên cứu xây dựng Chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo ; nhân lực có trình độ công nghệ thông tin; chuyên gia, nhà khoa học làm việc trên địa bàn tỉnh.* Ban hành và triển khai chính sách ưu tiên thu hút chuyên gia, kỹ sư, nhà nghiên cứu trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, an toàn thông tin, chính quyền số, công nghiệp/nông nghiệp/y tế số… Ban hành chính sách đãi ngộ hợp lý như hỗ trợ tài chính, nhà ở, điều kiện làm việc, cơ hội học tập và phát triển nghề nghiệp. Bổ sung cơ chế thu hút nhân lực chất lượng cao vào làm việc tại các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để trực tiếp triển khai các chương trình chuyển đổi số. Khuyến khích hình thức làm việc linh hoạt như bán thời gian, tư vấn chuyên sâu, luân chuyển giữa viện – trường – doanh nghiệp – cơ quan nhà nước nhằm tăng hiệu quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Hình thành mạng lưới chuyên gia chuyển đổi số cấp tỉnh hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn chính sách.

*(8) Nghiên cứu xây dựng Chính sách ưu đãi cho người làm công tác chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước.* Xây dựng chính sách đặc thù về ưu đãi cho cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp triển khai các nhiệm vụ tại Đề án này; Hỗ trợ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng về kinh phí, trang thiết bị, mạng di động để phục vụ hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân.

*(9) Nghiên cứu xây dựng chính sách thúc đẩy hoàn thiện hạ tầng xã hội số.* Thiết lập cơ chế hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông để triển khai phủ sóng 5G theo lộ trình phù hợp; nghiên cứu và xây dựng cơ chế phối hợp giữa doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị quản lý hạ tầng Khu công nghiệp thí điểm triển khai công nghệ 6G; cơ chế hợp tác giữa người dân, doanh nghiệp và chính quyền địa phương để triển khai hệ thống Wi-Fi công cộng miễn phí.

*(10) Xây dựng chính sách thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp*. Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số triển khai các nền tảng số quản trị doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thử nghiệm và ứng dụng công nghệ số mới vào hoạt động sản xuất kinh doanh; chính sách cung cấp, chia sẻ dữ liệu giữa doanh nghiệp và cơ quan nhà nước để tạo ra giá trị mới...

**2.4. Tập trung xây dựng hoàn thiện chính quyền số**

**-** Xây dựng chính quyền số hiện đại, hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu đưa toàn bộ hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền trên môi trường số. Ưu tiên đầu tư, nâng cấp các nền tảng số dùng chung, đẩy mạnh số hóa quy trình nội bộ và cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn trình, cá nhân hóa và không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Trong đó, tập trung đột phá trong xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực, địa phương đảm bảo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống”, tích cực nghiên cứu, ưu tiên ứng dụng công nghệ hiện đại (Big Data, AI, GIS, Cloud…) trong các hệ thống ứng dụng để hỗ trợ nâng cao hiệu quả, cải thiện năng suất, chất lượng giải quyết công việc.

**- Nội dung công việc tập trung thực hiện (17 nội dung):**

*(1) Triển khai chuyển đổi số các hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trên nền tảng số, Hội đồng nhân dân điện tử* để phục vụ đưa các hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp lên môi trường số.Xây dựng và triển khai nền tảng Hội đồng nhân dân điện tử; số hóa quy trình làm việc, quản lý văn bản, lịch công tác, giám sát và tiếp xúc cử tri của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh. Tích hợp hệ thống họp, biểu quyết, tra cứu tài liệu và quản lý kỳ họp trực tuyến. Kết nối liên thông dữ liệu giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với các sở, ngành và Hội đồng nhân dân cấp xã nhằm nâng cao hiệu quả giám sát và ra quyết định.

*(2)**Nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống thông tin dùng chung theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ mới phục vụ quản lý, điều hành hoạt động của chính quyền, nâng cao hiệu quả công việc, đáp ứng yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.* Tập trung thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin duy trì hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh; nâng cấp Cổng Thông tin điện tử tỉnh sau sáp nhập; nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu triển khai sắp xếp tỉnh, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo phục vụ triển khai cung cấp dịch vụ công chủ động, hỗ trợ cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính; nâng cấp Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đáp ứng yêu cầu triển khai sắp xếp tỉnh, xã, cho phép xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường mạng trên nhiều nền tảng, tích hợp trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức trong phân công, giải quyết công việc; nâng cấp hệ thống theo dõi thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh theo hướng thuận tiện trong quản lý, điều hành; thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh, đảm bảo kết nối Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ”; triển khai mô hình Trung tâm Hành chính công tập trung; nâng cấp hệ thống phòng họp trực tuyến và các nhiệm vụ liên quan khác.

*(3)**Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số các lĩnh vực thuộc quản lý của ngành Nội vụ.* Tập trung hoàn thành Đề án “Số hoá tài liệu lưu trữ có giá trị vĩnh viễn thuộc nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh Long An giai đoạn 2024 - 2029” và xây dựng cơ sở dữ liệu tổ chức của người lao động tại cơ sở; cơ sở dữ liệu thực hiện chính sách lao động, việc làm của doanh nghiệp; cơ sở dữ liệu quản lý lao động; cơ sở dữ liệu quản lý thi đua - khen thưởng đồng bộ từ tỉnh đến cấp cơ sở; cơ sở dữ liệu quản lý dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; cơ sở dữ liệu quản lý các tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ; nâng cấp cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo quản lý chặt chẽ, đầy đủ về thông tin và kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nâng cấp hệ thống đánh giá chỉ số cải cách hành chính theo hướng thời gian thực, gắn với thực tế thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị…

*(4) Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số các lĩnh vực thuộc quản lý của ngành Tư pháp.* Điều chỉnh mở rộng cơ sở dữ liệu về xử phạt vi phạm hành chính, công chứng, chứng thực; xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý về đấu giá tài sản, luật sư, giám định tư pháp, vi bằng, trợ giúp pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương cấp cơ sở, về vụ việc, vướng mắc pháp lý trong hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; xây dựng Cổng Thông tin điện tử về phổ biến, giáo dục pháp luật của tỉnh…

*(5) Chuyển đổi số các hoạt động nghiệp vụ bảo đảm an ninh trật tự và các nhiệm vụ Đề án 06 của ngành Công an.* Triển khai đề án thành lập Trung tâm thông tin chỉ huy Công an tỉnh; triển khai các nội dung theo nhiệm vụ của Đề án 06; triển khai Đề án xây dựng hệ thống truyền tin báo cháy; nâng cấp hạ tầng, mua sắm trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, xe phòng cháy chữa cháy; triển khai Hệ thống giám sát thông minh cơ sở cai nghiện, phần mềm quản lý cai nghiện; mua sắm trang thiết bị hạ tầng cơ sở dữ liệu phục vụ nghiệp vụ lĩnh vực giao thông của Công an tỉnh; triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu thi hành án hình sự tại cộng đồng, cơ sở dữ liệu tái hòa nhập cộng đồng; xây dựng hệ thống giám sát thông minh trại tạm giam; triển khai phần mềm bản đồ số an ninh trật tự và tiếp nhận phản ánh kiến nghị về an ninh trật tự; xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu chuyên ngành, tích hợp trí tuệ nhân tạo; chuyển đổi số hồ sơ nghiệp vụ, quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, đầu tư Trung tâm Thông tin dữ liệu nghiệp vụ Công an tỉnh.

*(6)**Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số các lĩnh vực thuộc quản lý của ngành Tài chính.* Cơ sở dữ liệu xúc tiến đầu tư; cơ sở dữ liệu quản lý đầu tư công; cơ sở dữ liệu quản lý quy hoạch tỉnh; triển khai giải pháp quản lý tập trung, thống nhất cơ sở dữ liệu quản lý ngân sách toàn tỉnh (giải pháp của Bộ Tài chính); xây dựng cơ sở dữ liệu ngành tài chính…

(*7)**Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số các lĩnh vực thuộc quản lý của ngành Công Thương*. Cơ sở dữ liệu ngành; cơ sở dữ liệu công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; cơ sở dữ liệu hỗ trợ doanh nghiệp thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) và phòng vệ thương mại; cơ sở dữ liệu quản lý cụm công nghiệp trên nền GIS...

*(8)**Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số lĩnh vực Xây dựng và giao thông vận tải.* Thiết lập Cơ sở dữ liệu quản lý quy hoạch xây dựng, giao thông, liên thông hạ tầng trên nền GIS theo hướng ứng dụng công nghệ thông minh; cơ sở dữ liệu về an toàn giao thông; hệ thống giao thông thông minh…

*(9)**Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Môi trường.* Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai và đảm bảo kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nâng cấp cơ sở dữ liệu ngành Nông nghiệp và Môi trường theo chuẩn dữ liệu địa lý (GIS); thuê dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường gồm phần mềm và hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh; xây dựng hệ thống công khai thông tin tài nguyên và môi trường; ứng dụng thiết bị bay không người lái, flycam trong hoạt động theo dõi, kiểm tra, giám sát biến động trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám tỉnh; ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong hoạt động theo dõi, kiểm tra, giám sát biến động trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý và bản đồ địa hình của tỉnh; xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý của tỉnh; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu địa danh phục vụ công tác thành lập bản đồ; đo đạc, thành lập bản đồ và xây dựng cơ sở dữ liệu về phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, công tác dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước; giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi; hoàn thiện hoạt động điều tra, đánh giá đất đai; bảo vệ, cải tạo và phục hồi đất; điều tra cơ bản thủy lợi của tỉnh; hoàn thiện công tác lập và xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch chuyên ngành theo quy định; xây dựng, vận hành công cụ trực tuyến quản lý tổng hợp phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; xây dựng phần mềm quản lý kiểm dịch kiểm soát giết mổ; rà soát hiệu quả và triển khai mở rộng các hệ thống quan trắc tự động (nước, không khí…); xây dựng CSDL về kiểm kê hiện trạng rừng; xây dựng phần mềm quản lý tổng hợp thu, chi Quỹ phòng, chống thiên tai và Quỹ bảo vệ phát triển rừng…

*(10) Xây dựng tài liệu kỹ thuật làm cơ sở xây dựng chính quyền số; nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số phục vụ phát triển dữ liệu số, xây dựng đô thị thông minh của tỉnh; triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số ngành Khoa học và Công nghệ*. Triển khai mở rộng các dịch vụ đô thị thông minh phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và các xã, phường; nâng cấp nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) đảm bảo việc kết nối và khai thác dữ liệu của các ngành; nâng cấp Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh đảm bảo đáp ứng yêu cầu chức năng đối với nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu lớn; mua sắm trang thiết bị CNTT, nâng cấp đường truyền, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Khoa học và Công nghệ; xây dựng Kiến trúc chính quyền số tỉnh, phiên bản 4.0; chi hoạt động Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 và Tiểu ban phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; và các nhiệm vụ khác liên quan công tác xây dựng chính quyền số của tỉnh.

*(11)**Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo.* Cơ sở dữ liệu quản lý chất lượng giáo dục; cơ sở dữ liệu khảo thí; cơ sở dữ liệu quản lý các cơ sở giáo dục ngoài hệ thống giáo dục mầm non và trung học phổ thông; triển khai giải pháp kết nối, tích hợp các cơ sở dữ liệu của ngành đảm bảo chia sẻ, liên thông dữ liệu; xây dựng, nâng cấp cơ sở dữ liệu để quản lý toàn diện ngành giáo dục giai đoạn 2026 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045; thí điểm chương trình đào tạo ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các trường học để học sinh tiếp cận, làm quen; triển khai chương trình đào tạo ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ giảng dạy cho đội ngũ giao viên; thuê dịch vụ công nghệ thông tin để quản lý, vận hành hệ thống y tế trường học tỉnh…

*(12)**Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số ngành Y tế.* Thuê phần mềm bệnh án điện tử tập trung; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở tiêm chủng, phòng xét nghiệm, cơ sở đủ điều kiện kinh doanh thuốc, quản lý mỹ phẩm, hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; xây dựng kho dữ liệu y tế tập trung đảm bảo quản lý tập trung dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành y tế, tích hợp trên IOC tỉnh phục vụ chỉ đạo, điều hành; thuê phần mềm khám bệnh, chữa bệnh từ xa; triển khai vận hành hệ thống quản lý môi trường cơ sở y tế do Cục Phòng bệnh chuyển về địa phương quản lý…

*(13) Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.* Cơ sở dữ liệu chuyên ngành ngành văn hóa, thể thao và du lịch; ứng dụng trợ lý tối ưu công việc cho cán bộ, công chức, viên chức ngành văn hóa, thể thao và du lịch…

*(14) Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số các lĩnh vực thuộc quản lý của ngành Ngoại vụ.* Cơ sở dữ liệu quản lý biên giới; cơ sở dữ liệu quản lý hoạt động các tổ chức phi chính phủ và các khoản viện trợ; cơ sở dữ liệu quản lý đoàn ra, đoàn vào; triển khai giải pháp theo dõi, quản lý dữ liệu thực hiện các nội dung ký kết hợp tác của tỉnh với các quốc gia, vùng lãnh thổ…

*(15) Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số các lĩnh vực thuộc quản lý của ngành Thanh tra*.Triển khai xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước và nghiệp vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng. Phát triển nền tảng số dùng chung của ngành Thanh tra, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống quốc gia và các cơ quan liên quan. Đồng thời, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Thanh tra tỉnh theo hướng đồng bộ, thống nhất, phục vụ phân tích, dự báo, nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành và công khai, minh bạch thông tin.

*(16) Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số các hoạt động của Ban Quản lý Khu kinh tế.* Cơ sở dữ liệu quản lý Khu công nghiệp (trên nền GIS) đảm bảo yêu cầu tích hợp AI phục vụ các nghiệp vụ quản lý; triển khai nền tảng Cửa khẩu số - nền tảng dùng chung cho tất cả lực lượng chức năng và doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu, tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp với cơ quan quản lý và giữa các cơ quan trong cửa khẩu.

*(17) Triển khai chuyển đổi số các hoạt động quản lý nhà nước của cấp xã.* Nâng cấp, mở rộng cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước cấp xã đáp ứng yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính và Triển khai mô hình “Xã thông minh” tại một số xã, phường đủ điều kiện triển khai…

### 2.5. Thúc đẩy phát triển kinh tế số

***- Phát triển kinh tế số được xác định là giải pháp đột phá trọng tâm của Đề án nhằm tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững và dựa trên đổi mới sáng tạo***, gắn chặt với chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững, lấy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và kinh tế tuần hoàn làm mục tiêu. Tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số trong tất cả các ngành kinh tế; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số toàn diện; thúc đẩy thương mại điện tử, thanh toán số, kinh tế nền tảng và kinh tế chia sẻ để tạo đột phá tăng trưởng kinh tế số chiếm 30% GRDP của tỉnh. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số và xuất khẩu qua nền tảng số toàn cầu.

**- Nội dung công việc ưu tiên thực hiện (5 nội dung):**

*(1)**Xây dựng ứng dụng phục vụ xúc tiến đầu tư tại tỉnh trên cơ sở ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào giới thiệu, gợi ý địa điểm đầu tư cho nhà đầu tư.* Nhiệm vụ đột phá quan trọng nhất là ứng dụng công nghệ số hiện đại như: Dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong xúc tiến đầu tư, xây dựng hệ thống thông minh phân tích, giới thiệu tiềm năng và cơ hội đầu tư, hỗ trợ nhà đầu tư tra cứu, đăng ký, triển khai dự án trực tuyến hiệu quả và minh bạch.

*(2) Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số.* Hỗ trợ kết nối thị trường và chuyển giao công nghệ đồng thời, có giải pháp thu hút doanh nghiệp công nghệ nước ngoài nhằm tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế số và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

*(3)**Triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt.* Điều tra thống kê, khảo sát hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh; tổ chức phiên chợ thanh toán không dùng tiền mặt; hỗ trợ doanh nghiệp lên sàn thương mại điện tử uy tín; tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại sản phẩm tỉnh Long An trên các nền tảng mua sắm trực tuyến; và các nhiệm vụ khác phục vụ phát triển thương mại điện tử.

*(4)**Triển khai các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp.* Xây dựng các bài toán phân tích, đánh giá dữ liệu để kịp thời dự báo, dự đoán tình hình sản xuất, thị trường nông sản phục vụ quản lý nhà nước, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp; xây dựng phần mềm quản lý và tiêu thụ sản phẩm sầu riêng và các loại nông sản khác; hệ thống giám sát côn trùng thông minh trên cây ăn trái và các nền tảng số phục vụ sản xuất nông nghiệp.

*(5) Triển khai mô hình ứng dụng công nghiệp văn hóa trong phát triển du lịch.* Ứng dụng công nghiệp văn hóa trong phát triển du lịch theo hướng tích hợp ba trụ cột chiến lược: Văn hóa - Công nghệ - Truyền thông; ứng dụng nền tảng công nghệ tích hợp đờn ca tài tử, cải lương, xiếc vào phát triển du lịch cộng đồng; thiết kế trải nghiệm, kể chuyện nhập vai và biểu diễn kỹ thuật số thông qua mô hình bảo tàng tích hợp…

**2.6. Xây dựng xã hội số**

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số phục vụ xã hội, phấn đấu để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số để tạo đột phá phát triển xã hội số; xây dựng văn hoá số lành mạnh, bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, thực hiện hiệu quả quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số phục vụ xã hội toàn diện, lấy người dân làm trung tâm trong thiết kế và triển khai dịch vụ số.

**- Nội dung công việc ưu tiên thực hiện (4 nội dung):**

*(1) Triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên VneID.* Tích hợp dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử vào ứng dụng VNeID, đảm bảo đồng bộ thông tin khám, chữa bệnh, tiêm chủng, hồ sơ sức khỏe cá nhân. Kết nối với cơ sở dữ liệu ngành y tế và các cơ sở khám chữa bệnh để người dân dễ dàng tra cứu, sử dụng thông tin y tế phục vụ chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh không giấy tờ. Đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin cá nhân theo quy định.

*(2) Triển khai các nền tảng giáo dục số phục vụ người dân.* Thuê dịch vụ công nghệ thông tin phần mềm và hạ tầng kỹ thuật để quản lý, vận hành hệ thống học tập trực tuyến LMS; thuê dịch vụ công nghệ thông tin hệ thống tuyển sinh đầu cấp.

*(3) Triển khai các nền tảng số trong lĩnh vực thư viện, văn hóa, du lịch để phục vụ xây dựng văn hóa số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc.* Triển khai du lịch thông minh với tích hợp AI, phân tích dữ liệu, gợi ý điểm đến, chia sẻ thông tin, công cụ quản lý và bản đồ thông minh; hệ thống trợ lý ảo du lịch trên điện thoại thông minh (QR code, GIS); bảo tàng và di tích số với thiết bị số hóa hiện vật, quay 3D, cơ sở dữ liệu bảo tàng, số hóa 3D khu di tích, bản đồ số 3D di sản văn hóa, số hóa di sản phi vật thể, thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR); ứng dụng AI và phân tích dữ liệu theo dõi sức khỏe, tập luyện vận động viên thành tích cao; thư viện số và tự động hóa thư viện với trang thiết bị và phần mềm, thiết bị mượn trả sách tự động; nền tảng giám sát thông tin trên môi trường mạng và xử lý truyền thông; nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin nguồn của tỉnh với chức năng mới, thuê dịch vụ quản lý, vận hành, đào tạo; thuê dịch vụ truyền thông các vở diễn cải lương trên nền tảng số.

(*4) Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh và xây dựng ứng dụng di động theo dõi, quản lý chất thải cho người dân.* Xây dựng hệ thống số hóa quy trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh; triển khai ứng dụng di động để người dân theo dõi lịch thu gom, phản ánh vi phạm, phân loại và quản lý rác thải tại nguồn. Kết nối dữ liệu với cơ quan chức năng nhằm nâng cao hiệu quả giám sát, quản lý môi trường và thúc đẩy phân loại rác tại hộ gia đình.

**PHẦN IV**

**KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**1. Tổng kinh phí: 6.529.164.000.000 đồng** *(Sáu nghìn năm trăm hai mươi chín tỷ, một trăm sáu mươi bốn triệu đồng)*, trong đó:

- Ngân sách nhà nước: **6.139.164.000.000 đồng** *(Sáu nghìn một trăm ba mươi chín tỷ, một trăm sáu mươi bốn triệu đồng)*. Trong đó, chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh Long An, giai đoạn 2025 - 2028 là 277.430.000.000 *(Hai trăm bảy mươi bảy tỷ, bốn trăm ba mươi triệu đồng)*. Dự kiến phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện danh mục nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của Đề án thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Long An giai đoạn 2025 - 2030 theo Phụ lục I đính kèm.

- Nguồn ngoài Ngân sách nhà nước (vốn kêu gọi tư nhân đầu tư, vốn đối ứng của doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ): **390.000.000.000** **đồng** *(Ba trăm chín mươi tỷ đồng)*.

**2. Nguồn kinh phí:** Kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách nhà nước được phân cấp theo quy định pháp luật, bao gồm: Nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ được UBND tỉnh phê duyệt hàng năm do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý; nguồn vốn đầu tư công trung hạn 2026 - 2030 và từng năm theo quy định; lồng ghép với các chương trình, dự án, các quỹ và các nguồn tài chính hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Các nội dung gắn với kinh phí trong quá trình triển khai thực hiện từng nội dung, cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tài chính trong việc tham mưu, cân đối nguồn lực theo quy định.

**PHẦN V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao triển khai Nghị quyết theo quy định pháp luật; hàng năm gắn báo cáo tình hình thực hiện trong báo cáo kinh tế - xã hội của tỉnh và định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết.

**2. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:** Phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Đề án trong đội ngũ cán bộ, hội viên, đoàn viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Vận động các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia thực hiện Đề án; thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội đối với các cơ chế, chính sách và quá trình triển khai Đề án.

**3. Văn phòng Tỉnh ủy**: Chủ động triển khai thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể theo Kế hoạch số 217-KH/TU ngày 28/04/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Ðề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Ðảng tỉnh Long An giai đoạn 2025 - 2028. Nội dung và kinh phí thực hiện tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

**4. Định hướng sáp nhập tỉnh Long An và tỉnh Tây Ninh:** Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động rà soát, điều chỉnh và tiếp tục tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với điều kiện mới sau sắp xếp địa giới hành chính; không làm gián đoạn tiến trình triển khai, đặc biệt các nhiệm vụ mang tính đột phá, dài hạn trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trên đây là Đề án thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Long An giai đoạn 2025 - 2030, Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị tập trung triển khai hoàn thành nhiệm vụ được giao để tạo đột phá quan trọng trong đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đưa tỉnh phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc./.

**Phụ lục I**

**CHI TIẾT DANH MỤC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

ĐVT: triệu đồng

| **TT** | **Tên nhiệm vụ, giải pháp** | **Thời gian thực hiện** | **Dự kiến kinh phí thực hiện (NSNN)** | **Dự kiến kinh phí thực hiện (Nguồn khác)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Nhóm nhiệm vụ Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và tạo chuyển biến toàn diện về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống chính trị, doanh nghiệp và xã hội** | | | | |
| 1 | Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề về đổi mới tư duy trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo | 2026 - 2030, mỗi năm ít nhất 2 lần | 5.000 |  |  |
| 2 | Xây dựng chuyên mục “Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo” trên Báo và Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh và các nền tảng mạng xã hội… | 2026 - 2030, định kỳ 1 kỳ/tháng | 7.000 |  |  |
| 3 | Tổ chức cuộc thi và tuyên dương “Sáng tạo trẻ của tỉnh” | 2026 - 2030, mỗi năm 1 lần | 3.000 |  |  |
| 4 | Tổ chức các hội nghị, hội thảo nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước | 2025 - 2030 | 600 |  |  |
| 5 | Tổ chức chuỗi các hoạt động, sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia hằng năm | 2025 - 2030 | 3.450 |  |  |
| 6 | Phát động phong trào thi đua, khen thưởng lập thành tích trong công tác chuyển đổi số | 2025 - 2030 | 900 |  |  |
| 7 | Tổ chức các hoạt động đột phá, đổi mới tư duy phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số | 2025 - 2030 | 1.140 |  |  |
| 8 | Triển khai các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về chuyển đổi số và thực hiện Đề án 06 trong cộng đồng | 2025 - 2030 | 13.000 |  |  |
| 9 | Các Sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy chuyển đổi số cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý. | 2025 - 2030 | 24.220 |  |  |
| **II** | **Nhóm nhiệm vụ Xây dựng và hoàn thiện thể chế, khung pháp lý hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số** | | | | |
| 10 | Xây dựng, hoàn thiện các quy định, văn bản hướng dẫn triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh | 2025 – 2026; hoàn thành Quý 1 năm 2026 | 200 |  |  |
| 11 | Ban hành quy định tổ chức và vận hành Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh, Quỹ phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh | 2025 – 2026; hoàn thành Quý 2 năm 2026 | 300 |  |  |
| 12 | Nghiên cứu, đề xuất mô hình Quỹ đầu tư mạo hiểm của tỉnh gắn với các hoạt động có liên quan khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số | 2025 – 2026; dự kiến hoạt động Quý 1 năm 2027 | 200 | 30.000 | Dự kiến kêu gọi hình thành từ các Quỹ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp |
| 13 | Ban hành quy định tổ chức hình thành, phát triển và nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh | 2026 - 2027 | 10.000 |  |  |
| **III** | **Nhóm nhiệm vụ Phát triển đột phá hoạt động khoa học và công nghệ** | | | |  |
| 14 | Chương trình nâng cao trình độ thị trường khoa học và công nghệ tỉnh | 2026 - 2030 | 100.000 |  |  |
| 15 | Chương trình khoa học và công nghệ lĩnh vực công nghiệp | 2026 - 2030 | 100.000 |  |  |
| 16 | Chương trình khoa học và công nghệ lĩnh vực nông nghiệp | 2026 - 2030 | 100.000 |  |  |
| 17 | Chương trình khoa học và công nghệ lĩnh vực thương mại, dịch vụ | 2026 - 2030 | 100.000 |  |  |
| 18 | Xây dựng và triển khai chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh | 2026 - 2030 | 100.000 |  |  |
| 19 | Rà soát, điều chỉnh và cập nhật các nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu cộng đồng gắn với tên địa danh sau sáp nhập đơn vị hành chính | 2025 - 2028; hoàn thành theo thời gian cấp lại các văn bằng mới theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ | 5.000 |  |  |
| 20 | Xây dựng và triển khai thực hiện mô hình quản lý, khai thác và phát triển các thương hiệu cộng đồng của tỉnh | 2026 - 2030 | 40.000 |  |  |
| **IV** | **Nhóm nhiệm vụ Phát triển toàn diện hoạt động đổi mới sáng tạo** | | | | |
| 21 | Xây dựng bộ tiêu chí nhận diện doanh nghiệp có đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh | 2025 - 2026, hoàn thành Quý 1 năm 2026 | 1.000 |  |  |
| 22 | Nâng cao Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương PII của tỉnh đến năm 2030 | 2026 - 2030 | 10.000 |  |  |
| 23 | Xây dựng và vận hành Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh | 2026 - 2030 | 10.000 | 200.000 | Vốn tư nhân đầu tư |
| **V** | **Nhóm nhiệm vụ Đảm bảo an toàn, an ninh mạng trong tình hình mới** | | | | |
| 24 | Tăng cường công tác đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao là khâu đột phá chiến lược nhằm đảm bảo chuyển đổi số an toàn, tạo niềm tin trong toàn xã hội khi tham gia chuyển đổi số | 2025 - 2030 | 131.979 |  |  |
| 25 | Đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh đáp ứng các quy định hiện hành | 2025 - 2030 | 65.460 |  |  |
| 26 | Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực, địa phương | 2025 - 2030 | 17.990 |  |  |
| **VI** | **Nhóm nhiệm vụ Mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút hiệu quả nguồn lực tri thức, công nghệ và đầu tư từ các tổ chức, đối tác trong và ngoài nước** | | | | |
| 27 | Xây dựng và triển khai kế hoạch tham gia các chương trình hội nghị, hội thảo, kết nối cung cầu công nghệ, hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số | 2026 -2030 | 10.000 |  |  |
| 28 | Xây dựng và triển khai kế hoạch tăng cường hợp tác quốc tế, liên kết doanh nghiệp và phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật – số | 2026 -2030 | 10.000 |  |  |
| **VII** | **Nhóm giải pháp Phát triển hạ tầng và nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số** | | | | |
| 29 | Dự án đầu tư nâng cao năng lực Trạm nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ Đồng Tháp Mười (2025 - 2030) | 2026 - 2030 | 150.000 |  |  |
| 30 | Tổ chức, vận hành và phát triển Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh | 2025 - 2026 hoàn thành thủ tục; phân bổ kinh phí, đưa Quỹ vào vận hành chính thức Quý 2 năm 2026 | 100.000 | 40.000 |  |
| 31 | Đầu tư trang thiết bị nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ lĩnh vực dịch vụ tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; Trang thiết bị phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và an toàn bức xạ hạt nhân | 2026 - 2030 | 80.000 |  |  |
| 32 | Đầu tư, hoàn thiện hạ tầng số cho Trung tâm dữ liệu tỉnh | 2025 - 2030 | 308.000 |  |  |
| 33 | Quản lý, vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh phục vụ duy trì hoạt động các hệ thống dùng chung của tỉnh | 2025 - 2030 | 41.340 |  |  |
| 34 | Mua sắm phần mềm bản quyền máy tính | 2026 - 2030 | 30.000 |  |  |
| 35 | Đảm bảo đường truyền phục vụ vận hành các hệ thống thông tin dùng chung từ tỉnh đến xã, phường | 2025 - 2030 | 26.100 |  |  |
| 36 | Đầu tư, nâng cấp hạ tầng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh | 2026 - 2030 | 32.300 |  |  |
| 37 | Đầu tư, nâng cấp hạ tầng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành Công an | 2025 - 2030 | 257.033 |  |  |
| 38 | Đầu tư, nâng cấp hạ tầng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo | 2025 - 2030 | 51.080 |  |  |
| 39 | Đầu tư, nâng cấp hạ tầng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành Y tế | 2025 - 2030 | 47.000 |  |  |
| 40 | Đầu tư, nâng cấp hạ tầng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 2025 - 2030 | 104.000 |  |  |
| 41 | Đầu tư, nâng cấp hạ tầng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, các Sở, ngành cấp tỉnh | 2025 - 2030 | 24.350 |  |  |
| 42 | Tập trung đột phá trong xây dựng hạ tầng số cấp xã để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số theo mô hình chính quyền 02 cấp và xây dựng đô thị thông minh | 2025 - 2030 | 930.000 |  |  |
| **VIII** | **Nhóm giải pháp Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số** | | | | |
| 43 | Triển khai đào tạo và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và quản lý trong các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh. | 2026 - 2030 | 10.000 |  |  |
| 44 | Đẩy mạnh hợp tác giữa nhà trường – doanh nghiệp – viện nghiên cứu trong đào tạo gắn với nhu cầu nhân lực thực tiễn | 2026 - 2030 | 10.000 |  |  |
| 45 | Phát triển nguồn nhân lực trẻ thông qua hoạt động hướng nghiệp và khuyến học tại trường phổ thông trung học | 2026 - 2030 | 10.000 |  |  |
| 46 | Tăng cường liên kết và luân chuyển tri thức giữa tỉnh và các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu trong và ngoài nước | 2026 - 2030 | 10.000 |  |  |
| 47 | Phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh | 2025 - 2030 | 20.720 |  |  |
| 48 | Tăng cường đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng số trong phạm vi ngành, lĩnh vực | 2025 - 2030 | 7.765 |  |  |
| 49 | Tập huấn, đào tạo kiến thức, kỹ năng số cho CBCCVC và các lực lượng tham gia công tác chuyển đổi số tại các xã, phường | 2025 - 2030 | 6.060 |  |  |
| **IX** | **Nhóm giải pháp Hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy doanh nghiệp, tổ chức khoa học và các chủ thể đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh** | | | | |
| 50 | Nghiên cứu xây dựng Chính sách hỗ trợ phát triển tổ chức nghiên cứu và thúc đẩy thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ | 2025 - 2026; hoàn thành và triển khai các chính sách trong Quý 2 năm 2026 | 50.000 |  |  |
| 51 | Nghiên cứu xây dựng Chính sách thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng | 2025 - 2026; hoàn thành và triển khai các chính sách trong Quý 2 năm 2026 | 50.000 |  |  |
| 52 | Nghiên cứu xây dựng Chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo | 2025 - 2026; hoàn thành và triển khai các chính sách trong Quý 2 năm 2026 | 100.000 | 150.000 | Vốn đối ứng của doanh nghiệp (khoảng 60%) |
| 53 | Nghiên cứu xây dựng Chính sách khuyến khích đầu tư vào Khu công nghiệp công nghệ cao | 2025 – 2026; hoàn thành và triển khai các chính sách trong Quý 2 năm 2026 | 50.000 |  |  |
| 54 | Nghiên cứu xây dựng Chính sách đặc thù cho vùng Đồng Tháp Mười (phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái) | 2025 – 2026; hoàn thành và triển khai các chính sách trong Quý 2 năm 2026 | 50.000 |  |  |
| 55 | Nghiên cứu xây dựng Chính sách thu hút học sinh, sinh viên theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật thuộc lĩnh vực ưu tiên của tỉnh | 2025 – 2026; hoàn thành và triển khai các chính sách trong Quý 2 năm 2026 | 50.000 |  |  |
| 56 | Nghiên cứu xây dựng Chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhân lực có trình độ công nghệ thông tin; chuyên gia, nhà khoa học làm việc trên địa bàn tỉnh | 2025 – 2026; hoàn thành và triển khai các chính sách trong Quý 2 năm 2026 | 50.000 |  |  |
| 57 | Nghiên cứu xây dựng Chính sách ưu đãi cho người làm công tác chuyển đổi số trong các cơ quan Nhà nước | 2025 - 2030 | - |  | Kinh phí sẽ được nghiên cứu, xác định cụ thể khi xây dựng chính sách để đảm bảo sự phù hợp giữa nội dung chính sách và nguồn ngân sách của tỉnh. |
| 58 | Nghiên cứu xây dựng Chính sách thúc đẩy hoàn thiện hạ tầng xã hội số | 2025 - 2030 | - |  |
| 59 | Nghiên cứu xây dựng chính sách thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp | 2025 - 2030 | - |  |
| **X** | **Nhóm giải pháp Tập trung xây dựng hoàn thiện chính quyền số** | | | | |
| 60 | Triển khai chuyển đổi số các hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trên nền tảng số, Hội đồng nhân dân điện tử | 2025 - 2030 | 6.000 |  |  |
| 61 | Nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống thông tin dùng chung theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ mới phục vụ quản lý, điều hành hoạt động của chính quyền, nâng cao hiệu quả công việc, đáp ứng yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính các cấp. | 2025 - 2030 | 57.590 |  |  |
| 62 | Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyểnđổi số các lĩnh vực thuộc quản lý của ngành Nội vụ | 2025 - 2030 | 205.493 |  |  |
| 63 | Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số các lĩnh vực thuộc quản lý của ngành Tư pháp | 2025 - 2030 | 29.000 |  |  |
| 64 | Chuyển đổi số các hoạt động nghiệp vụ bảo đảm an ninh trật tự và các nhiệm vụ Đề án 06 của ngành Công an | 2025 - 2030 | 625.870 |  |  |
| 65 | Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số các lĩnh vực thuộc quản lý của ngành Tài chính | 2025 - 2030 | 34.500 |  |  |
| 66 | Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số các lĩnh vực thuộc quản lý của ngành Công Thương | 2025 - 2030 | 15.700 |  |  |
| 67 | Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số lĩnh vực Xây dựng và giao thông vận tải | 2025 - 2030 | 170.000 |  |  |
| 68 | Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Môi trường | 2025 - 2030 | 258.983 |  |  |
| 69 | Xây dựng tài liệu kỹ thuật làm cơ sở xây dựng chính quyền số; nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số phục vụ phát triển dữ liệu số, xây dựng đô thị thông minh của tỉnh; triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số ngành Khoa học và Công nghệ | 2025 - 2030 | 170.500 |  |  |
| 70 | Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo | 2025 - 2030 | 148.551 |  |  |
| 71 | Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số ngành Y tế | 2025 - 2030 | 143.253 |  |  |
| 72 | Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 2025 - 2030 | 27.500 |  |  |
| 73 | Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số các lĩnh vực thuộc quản lý của ngành Ngoại vụ | 2025 - 2030 | 1.600 |  |  |
| 74 | Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số các lĩnh vực thuộc quản lý của ngành Thanh tra | 2025 - 2030 | 6.400 |  |  |
| 75 | Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số các hoạt động của Ban Quản lý Khu Kinh tế | 2025 - 2030 | 40.000 |  |  |
| 76 | Triển khai chuyển đổi số các hoạt động quản lý nhà nước của cấp xã | 2025 - 2030 | 69.000 |  |  |
| **XI** | Nhóm giải pháp Thúc đẩy phát triển kinh tế số | | | | |
| 77 | Xây dựng ứng dụng phục vụ xúc tiến đầu tư tại tỉnh trên cơ sở ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào giới thiệu, gợi ý địa điểm đầu tư cho nhà đầu tư | 2026 - 2030 | 6.000 |  |  |
| 78 | Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số | 2025 - 2030 | - |  | Kinh phí thực hiện theo kế hoạch triển khai thực tế |
| 79 | Triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt | 2025 - 2030 | 14.782 |  |  |
| 80 | Triển khai các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp | 2025 - 2030 | 2.175 |  |  |
| 81 | Triển khai mô hình ứng dụng công nghiệp văn hóa trong phát triển du lịch | 2025 - 2030 | 5.000 |  |  |
| **XII** | **Nhóm giải pháp Xây dựng xã hội số** | | | | |
| 82 | Triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên VNeID | 2025 - 2030 | 10.000 |  |  |
| 83 | Triển khai các nền tảng giáo dục số phục vụ người dân | 2025 - 2030 | 38.000 |  |  |
| 84 | Triển khai các nền tảng số trong lĩnh vực thư viện, văn hóa, du lịch để phục vụ xây dựng văn hóa số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc | 2025 - 2030 | 77.150 |  |  |
| 85 | Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh và xây dựng ứng dụng di động theo dõi, quản lý chất thải cho người dân | 2025 - 2030 | 172.500 |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  | **5.861.734** | **390.000** |  |
| ***(Năm tỷ tám trăm sáu mươi mốt tỷ, bảy trăm ba mươi bốn tỷ đồng)*** | | | | | |

# Phụ lục 2

**KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỐ 217-KH/TU NGÀY 28/4/2025 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

**VỀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG TỈNH LONG AN**

**GIAI ĐOẠN 2025 - 2028**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*Đvt: triệu đồng*

| **STT** | **Tên dự án, nhiệm vụ** | **Dự toán kinh phí năm 2025** | **Dự toán kinh phí giai đoạn 2026-2030** | **Tổng kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng cộng** | **15.800** | **261.630** | **277.430** |
| **1** | **Văn phòng Tỉnh ủy** | **6.800** | **174.130** | **180.930** |
| 1.1 | Trang bị, nâng cấp hạ tầng, thiết bị CNTT phục vụ chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh | 0 | 18.850 | 18.850 |
| 1.2 | Trang bị thiết bị, thuê đường truyền kết nối đến cấp xã và tương đương | 450 | 3.200 | 3.650 |
| 1.3 | Trang bị thiết bị, phần mềm đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống mạng các cơ quan Đảng tỉnh | 500 | 27.600 | 28.100 |
| 1.4 | Trang bị, nâng cấp thiết bị, phần mềm Hệ thống hội nghị trực tuyến Tỉnh ủy đến cấp xã | 0 | 40.680 | 40.680 |
| 1.5 | Xây dựng các nền tảng chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh và tiếp nhận các nền tảng do Trung ương chuyển giao | 800 | 4.000 | 4.800 |
| 1.6 | Số hóa văn bản, tài liệu nghiệp vụ của các cơ quan Đảng tỉnh | 4.000 | 27.500 | 31.500 |
| 1.7 | Xây dựng, hoặc thuê dịch vụ Cổng thông tin điện tử và các trang thành phần | 500 | 17.300 | 17.800 |
| 1.8 | Đánh giá, giám sát ANTT (mỗi năm đánh giá 2 lần) | 200 | 3.000 | 3.200 |
| 1.9 | Phát triển, nâng cấp các phần mềm đặc thù | 0 | 2.000 | 2.000 |
| 1.10 | Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trình độ chuyển đổi số cho CBCC các cơ quan Đảng tỉnh | 150 | 1.000 | 1.150 |
| **2** | **Mặt trận Tổ quốc** | **200** | **29.000** | **29.200** |
| 2.1 | Nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số |  | 10.000 | 10.000 |
| 2.2 | Đầu tư hệ thống trang thiết bị Hội nghị trực tuyến từ tỉnh đến cấp xã |  | 10.000 | 10.000 |
| 2.3 | Đào tạo, bồi dưỡng các bộ chuyên môn về công nghệ thông tin, chuyển đổi số | 200 | 1.000 | 1.200 |
| 2.4 | Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý công tác Mặt trận, đoàn thể, các hội quần chúng |  | 3.000 | 3.000 |
| 2.5 | Tổ chức và duy trì hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng |  | 5.000 | 5.000 |
| **3** | **Tỉnh Đoàn** |  | **6.200** | **6.200** |
| 3.1 | Xây dựng CSDL quản lý các hoạt động phong trào Đoàn các cấp: Dữ liệu về hoạt động (Tên, thời gian, thông tin về Kế hoạch, phân loại hoạt động), Dữ liệu về kết quả hoạt động (Số người tham gia, hình ảnh, video về hoạt động, đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch đề ra), Thống kê báo cáo, Bản đồ số đánh giá hoạt động phong trào đoàn các địa phương |  | 3.000 | 3.000 |
| 3.2 | Xây dựng trợ lý ảo hướng dẫn các nghiệp vụ công tác Đoàn thanh niên |  | 2.000 | 2.000 |
| 3.3 | Đào tạo tập huấn kỹ năng số, kỹ năng sử dụng AI cho cán bộ Đoàn các cấp |  | 1.200 | 1.200 |
| **4** | **Báo và Đài Phát thanh Truyền hình Long An** | **8.800** | **54.500** | **63.300** |
| 4.1 | Xây dựng Hạ tầng và ứng dụng nền tảng số |  | 11.970 | 11.970 |
| 4.2 | Hệ thống sản xuất nội dung số |  | 11.530 | 11.530 |
| 4.3 | Triển khai giải pháp tòa soạn hội tụ | 8.800 |  | 8.800 |
| 4.4 | Xây dựng Hệ thống quản trị, thiết bị sản xuất và làm tin lưu động |  | 31.000 | 31.000 |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**